NĂM THỨ TƯ — Số 131 Thứ năm 24 Février 1944

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

Muc luc

* « Giống » người — *Hoa-Bằng*
* Đại-Nam dật-sự (XXI) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Đồ thờ của ta (I) — *Ứng-Hòe*
* Lịch-sử và Thi-ca — *Hoàng-thiếu-Sơn*
* Một bậc chí-sĩ đời Lê mạt — *Khái-Sinh*
* Vũ-như-Tô (kịch lịch-sử, VII) — *Nguyễn-huy-Tưởng*
* Danh-tử khoa học Việt-nam (hết) — *Phiên-Thúc*
* Những ông nghè triều Lê (LXXIII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết, XVI) — *Chu-Thiên*

Tòa báo: 95-97, Chanceaulme, Hanoi

Một năm **18$00** — 6 tháng **9$50** — 3 tháng **5$00** — Mỗi số **0$40**

« Giồng » người

HOA-BẰNG

MỘT chiều xuân. Trên con đường lầy lội vì nhựa hư và nhiều ổ gà chưa kịp vá, một đám nhi-đồng trên dưới mười tuổi, tay xách cặp, tay vén quần, vui-vẻ đi bộ từ trường quê ra phố, dưới ánh tà huy đang tráng vàng cho những tán cây mầm non xanh rợn sau trận mưa xuân.

Mấy trò em đó, vì trường học dời ra ngoại châu-thành, hằng ngày, phải từ Hà-nội, cắp sách đi học xa nhà hàng 6, 7 cây số.

Mấy trò em đó, giữa lúc khó-khăn này, trong tuổi thơ ngây, đã ngoan-ngoãn cam-chịu hi-sinh mà không biết, bởi chưng xã-hội ngày nay, vì thời cục nghiêm trọng, đã phải thiên các lớp học của họ đi xa, lại vì tình-thế bắt buộc, hoặc vì chính-sách tiết-kiệm, không thể cho xe-cộ đưa đón họ sớm đi học, lúc về nhà được.

Thấy bọn trò em đó, tôi không khỏi lan-man suy-nghĩ :

Nhi-đồng ! Họ là mầm tương-lai của quốc-gia ! hoa « hi-vọng » của xã hội ! Trong lúc hồn-hồn ngạc-ngạc, họ nếu cứ được kịp thời mà tu nghiệp, tiến-đức, thì tương lai của họ biết đâu mà hạn-lượng ! Họ nếu cứ được dẫn-dắt cho nhằm đường thì họ sẽ là đám hậu-sinh « đáng sợ » đối với chúng ta ngày nay.

Thấy họ, tôi lại liên tưởng đến hai chữ « trồng người » như có nói trong *Quản tử* : « *Chung thân chi kế mạc như thụ nhân* » : Tính kế suốt đời, không gì bằng *trồng người*.

« Trồng » người ! Ý nói vun trồng nhân tài vậy.

Lớn-lao thay việc ấy ! Mà cũng cần-kíp thay việc ấy !

Một nhà canh-nông, có ruộng đất, nếu muốn, trong một năm, đã có thứ để ăn sồi ngay, thì chẳng gì bằng trồng lúa. Nếu tính xa hơn, tìm thứ hàng mười năm mới có hoa-lợi, thì chẳng gì bằng trồng cây.

Ta nay, muốn « ăn to » hơn nhà nông, cần phải tính đến cái kế lâu dài — hàng trăm năm — chi bằng để ý đến việc « trồng » người là thiết-yếu khẩn-cấp hơn hết.

Muốn « trồng » người ? Ta phải, ngay từ bây giờ, săn-sóc đến lớp nhi-đồng đầy hi-vọng kia.

Lớp chúng ta, hoặc vì vận-hội chưa mở-mang, hoặc vì kinh-tế áp-bách, hoặc vì sự nuôi nấng cẩu-thả, không phương-pháp, đa số, về thể-chất, ít ra cũng phải chịu một vài nỗi giầy-vò hành-hạ nủa một vài thứ tật-bịnh và, về tinh-thần, thường thường không được phát-triển hết bản năng hoặc phải gượng gạo đi vào con đường không hợp với sở trường, sở thích. Chúng ta, có thể nói, là « nạn-nhân » của thời-đại.

Cái đã qua không thể lấy lại được ; nhưng cái sẽ đến, có thể cứu-vớt ở sau này.

Chính vì thế, chúng ta bây giờ càng phải chăm-chú vào đám nhi-đồng, lớp người tương lai.

Nếu là phụ-huynh, ta phải « trồng » ngay từ con em trong nhà. Phàm những công việc thuộc trách-nhậm một người gia-trưởng, ta không được phép xao-nhãng, bỏ bê một việc nào. Phải huấn-luyện con em để sau này, đủ điều-kiện, có thể gánh-vác việc đời, giúp ích quốc-gia, xã-hội.

Nếu là giáo-viên, ta phải « trồng » ngay từ đám học-trò đang ngồi trên những hàng ghế dài ở lớp học ta đây. Dù chưa được như Chu-Văn-An, như Nguyễn-Bỉnh-Khiêm hi-sinh về việc dục tài để hiến cho Quốc-gia những rường cột không « bén rác », ít ra ta cũng phải cao treo tấm gương mô-phạm, làm kiểu-mẫu cho học-trò từ lời nói đến việc làm.

***

Nhưng, nếu chỉ hô hào xuông và tán-thành hão với nhau cái việc « trồng người » mà không làm cho có sự thực thì khác nào câu chuyện dưới đây mà Bác-sĩ Dewey đã thuật trong một bài diễn-văn của ông :

— « Một trường hàm-thụ kia dạy người học bơi. Hằng ngày cho bài để học trò làm, lấm rồi gửi đến nhà trường chấm. Hết học khóa, liền cấp cho trò từ chứng-chỉ tốt nghiệp nhận thực rằng đã biết bơi lội. Nhưng thực ra, hạng học trò ấy chỉ biết bơi lội trong không-khí, thí nghiệm trong cửa-nhà, chứ chưa hề vào nước tập bơi, học lặn. Như vậy, khi nhúng vào sự thực, tranh sao khỏi nạn chết chìm ! »

(*Xem tiếp trang 4*)

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 21 Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

XV. — Mai Hắc-đế

Từ năm 602 nhà Tùy đánh được Lý Phật-Tử, đến năm 722 Mai Thúc-Loan xưng đế, nước ta nội-thuộc với Tàu, qua hai họ làm vua, là nhà Tùy và nhà Đường. Trong khoảng hơn một trăm năm ấy, có bao nhiêu thái-thú hoặc thứ sử, tổng quản hoặc đô-hộ : sử không chép, chỉ chép truyện Kỳ-Hòa như sau này :

Kỳ-Hòa là người Lạc-dương, làm quan đời Chu (557-581), được mở phủ nghi đồng tam ty, sau theo với nhà Tùy (581-617), làm quan châu Tư, châu Lương và châu Bồ, nổi tiếng là người khoan-hòa. Vào khoảng cuối đời Đại-nghiệp nhà Tùy (616), vì vùng hải-nam xa cách, quan-lại thường hay nhũng nhiễu, nhân-dân ta-oán, sinh ra làm phản. Tùy Dũng-đế thấy Kỳ-Hòa là người làm quan giỏi, được tiếng thuần-lương, cho làm thái-thú Giao-chỉ khoảng năm 616. Kỳ-Hòa đến nơi, vỗ-về bảo-kiệt, thấu hết ẩn-tình của nhân-dân, trong cõi yên-ổn ; các nước phía tây Lâm-ấp thường đem cho Kỳ-Hòa những ngọc minh-châu, xừng tê-ngưu có hoa và vàng bạc của báu, cho nên Kỳ-Hòa giầu ngang vương giả. Lương-vương là Tiêu-Tiễn nghe tiếng, sai Nịnh-Trường-chân đem quân man-lý đến đánh Kỳ-Hòa. Hòa sợ, định ra đón : trưởng-sử là Cao-sĩ Liêm bảo Hòa rằng : « Quân Trường chân ở phương-xa đến, thế không thể ở lâu được. Những quân giỏi của ta ở trong thành, còn có thể đánh được, việc gì chịu lụy người ta ngay như thế ? » Kỳ Hòa nghe theo, cho Cao-sĩ Liêm làm hành-quân tư-mã, để đón đánh, đuổi quân Trường-chân, nhân dân trong quận lại được yên, vì thế trong quận dựng bia xưng tụng công-đức. Sau nhà Tùy mất, Tiêu-Tiễn cũng chết, Kỳ Hòa đem bờ cõi hải-nam về với nhà Đường : vua Đường liền phong chức Thượng-trụ-quốc Đàm-quốc-công, lĩnh Giao-châu tổng-quản (nam 621). Kỳ-Hòa sai tư mã là Cao-sĩ Liêm dâng biểu xin vào chầu. Đường Cao-tổ ban chiếu y cho, sai con ra đón. Đến khi yết-kiến, Cao-tổ đứng dậy, dẫn vào trong nhà riêng, nói chuyện bình-sinh, rất là vui-vẻ. Vua Đường lại sai tâu chín bộ nhạc để ăn mừng, phong chức Tả-vũ-hầu đại-tướng-quân. Năm ấy Hòa đã già, phong chức thứ-sử, cho về ở làng để dưỡng. Mất năm 86 tuổi, tặng chức Kinh-châu tổng-quản. Có 15 con, đều làm quan to (lược dịch ở *Đường thư*, quyển 59, tờ 3 b, và *Khâm định Việt sử*, tiền-biên, quyển 4, tờ 16 b).

Đấy là người thuần-lương, được tiếng khoan nhân ; nhưng những người như thế, không thấy chép nhiều ; còn đến những người tham bạo như Lưu-diên-Hựu, thì chép như dưới này :

Lưu-diên-Hựu, người Bành-thành, thuộc châu Từ, đỗ tiến-sĩ, có tài làm việc quan, dần dần đến chức thứ-sử châu Cơ, đổi sang An-nam đô hộ. Theo lệ cũ, những người lý hộ (tức là những người có tên trong sổ đinh ở vùng nhà quê) mỗi năm chỉ nộp nửa thuế ; đến Lưu-diên-Hựu sang làm quan, bắt nộp tất cả : dân-chúng ta-oán định mưu khởi loạn. Diên Hựu giết người đầu xỏ là Lý-tự Tiên ; người cùng đảng là bọn Đinh Kiến bèn làm loạn tụ họp dân chúng, vây phủ-thành vào tháng bảy năm 687. Trong thành quân ít, không chống nổi, đóng chặt cửa thành đợi quân cứu-viện. Một người họ lớn ở Quảng-châu là Phùng-tử-Dư may gặp thời, lập công-danh được cầm quân, cũng giữ chặt không ra, thành ra Đinh-Kiến giết được Diên-Hựu (chép theo *Đại Việt sử ký toàn-thư*, quyển 5, tờ 4 a b, và *Khâm định Việt sử*, tiền biên, quyển 4, tờ 20 b 21 a).

Đến năm 722, có một người tên là Mai Thúc-Loan cũng nổi lên xưng đế, toan nối cờ độc-lập của nhà Tiền-Lý (544 602), nhưng chẳng may chỉ được có một đời mà thôi.

Năm nhâm-tuất, mùa thu, tháng bảy, đọc bảy chữ niên-hiệu ấy, có lẽ nhiều người ngạc-nhiên, tưởng rằng : lại ngâm bài *Dư Xích-bích* của Tô Đông Pha chăng ! Tuy cùng một năm một mùa ấy, nhưng mỗi đằng có chí khí khác nhau : đọc bài phú *Xích-bích* thì tâm-hồn hình như phiêu lưu ra ngoài trần thế ; còn như đọc đến truyện Mai Thúc-Loan (tức Mai Hắc Đế), thì ai là người Đại Nam chẳng hưng khởi tấm lòng ?

Năm ấy thế nào ?

Nguyên Thúc-Loan là người làng Mai-phụ, huyện Thiên-lộc, châu Hoan, tức là huyện Can-lộc, phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh bây giờ. Theo lời chép trong sử chữ nho, thì trông người mặt sắt mình đen, nên gọi là Hắc-đế, trạng-mạo hùng-vĩ, nhân dân theo phục. Trong đời Khai-nguyên (713 739) nhà Đường, Quang-sở-Khách lĩnh chức An-nam đô-hộ, việc quan khắc báo, dân không chịu nổi, phần nhiều trốn vào trong rừng-rậm, cướp bóc tứ-tung. Nhưng Thúc-Loan đi đến đâu, bọn cướp cũng hàng phục nghe theo. Thúc Loan bèn tụ họp dân-chúng 52 châu, giữ châu thành xưng hoàng-đế. Phía ngoài lại kết-liên với các nước Lâm-ấp, Chân-lạp và Kim-lân, giữ vùng hải-nam, đề hiệu 40 vạn quân (đây là theo *Khâm-định Việt sử*, tiền-biên, quyền 4, tờ 21 b ; còn *Việt-kiều-thư*, sách tàu, quyền 3, tờ 37 a, *Đại-Việt sử-ký*, tiền-biên, quyền 6, tờ 9 b, *Sử-ký toàn thư*, ngoại-kỷ, quyền 5, tờ 4 b, *Đại-Nam nhất thống chí*, quyền Nghệ-an, hạ, tờ 2 b, đều chép 30 vạn).

Vua Đường Huyền-tông sai chức nội-thị tả-giám môn-vệ tướng quân là Dương-tư-Húc sang đánh. Húc mộ được hơn mười vạn quân, cùng với đô-hộ là Quang-sở-Khách (*Sử-ký*, *Sỷ-ký toàn-thư* và *Việt-kiều thư* đều chép là Nguyên-sở-Khách) do đường cũ của Mã-viện tiếng sang.

Xuất kỳ bất ý, Mai Thúc-Loan không kịp bầy mưu, phải lui quân đóng đồn ở Hùng sơn, để chống nhau với quân nhà Đường. Sau bị thua : quan Tàu đắp những xác chết làm một nơi kinh-quán, rồi về (kinh-quán cũng như đài trận vong tướng-sĩ, làm thật đẹp gọi là kinh-quán).

Mấy quyển sử tàu sử ta đều chép Mai Hắc-đế bị thua, riêng quyển *Tư-trị thông-giám* (sách tàu, quyển 212, tờ 10 a) chép hơi khác như sau này : « Chức súy của giặc An nam là bọn Mai Thúc-Yên (chữ Loan viết nhầm ra chữ Yên) đánh vây châu huyện. Vua Đường sai chức kiệu-kỵ tướng-quân, kiêm nội-thị, là Dương-tư-Húc đi đánh. Tư-Húc mộ những con em các mọi được hơn mười vạn quân, đánh úp phá được, chém Mai Thúc-Yên, chất thây làm kinh-quán, rồi về ».

Quyển *Đại-Nam nhất thống chí* (Nghệ-an, quyển hạ, tờ 2 b) lại chép rằng : « Mai Hắc-đế lui quân về Hùng-sơn, để chống nhau với quân Đường, được vài năm bị bệnh mất, tằng ở phía nam núi Hùng-sơn, người bản thổ lập đền để thờ ».

Khâm-định Việt-sử (tiền-biên, quyển 4, tờ 23 b) chép : « Mai Hắc-đế được kê tên vào đền thờ các vua đời trước (lịch đại đế-vương) và hiện nay hãy còn dấu vết thành cũ ở núi Vệ-sơn, huyện Nam-đường, tỉnh Nghệ-an ».

Tuy việc ông Mai Thúc-Loan xưng đế không được bao lâu, nhưng cũng giúp cho những đời sau, là Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê. Nước ta từ khi nội-thuộc nước Tàu, có mấy nhà mở cờ độc-lập, hiện sử còn chép, là hai bà Trưng, nhà Tiền-Lý, Mai Hắc-đế, v. v., là những người có công với giang-sơn tổ-quốc và đã có làng thờ.

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Cải chính

— Trong bài Có khi nào người Thanh... *của Long Điền trong Số xuân Giáp Thân : chữ* mời *trong câu sau này đã in nhầm là* ruồi.

« Còn sỹ nghị chánh sơ'i binh Thanh mời *vua Lê Chiêu Thống chạy sang Tàu...»*

— Luôn dịp xin đính chính chữ in lầm trong sổ đặc san về Đinh-Tiên-Hoàng ; Lịch triều hiến chương Binh chê *chí, chứ không phải là Binh* thổ *chí.*

Hộp thư

— Giáo sư Nguyễn Lân - Huế — Ngân phiếu 12$ đã nhận được — Xin lỗi trả lời chậm — Hai bài sẽ đăng. Cảm ơn.

T. T.

« Giống » người

(Tiếp theo trang 2)

Cũng một lẽ ấy, ta nay chỉ nói trơn rằng « trồng người », — phải, cần phải « trồng người » — như nhà nông chỉ gào « trồng lúa », « trồng cây » xuông thôi, rồi từ vườn đến ruộng, chẳng chăm-chú vào sự thực : mưa nắng nhờ trời, cầy không sâu, cấy muộn tiết, bón bỗ không đủ, vun sới kém công, thì mấy lúa chẳng hỏng, mấy cây chẳng khô, kể một năm, mười năm cũng khó xong thay, còn nói gì đến công-cuộc hàng suốt đời nữa !

Các bạn ! Hơn lúc nào hết, bây giờ chính là lúc phải làm, làm riết, làm nhiều, làm cho lớp người sinh sau của chúng ta, làm cho tương-lai của đất nước ! Làm được việc nào quý việc ấy.

H. B.

ĐỒ THỜ CỦA TA

Ứng-hoe NGUYỄN-VĂN-TỐ

THEO lệ thường, năm nay cũng như mọi năm, Trường Bác-cổ có cử tôi ra nói chuyện bằng tiếng Pháp ở viện bảo-tàng Louis Finot. Tôi nói hôm thứ hai vừa rồi, về đồ thờ của nước ta. Nay tôi viết ra quốc-ngữ để độc-giả xem.

Trước khi nói đến đồ thờ cổ, tôi nhắc qua những đồ thờ hiện-tại. Vẫn biết rằng có sách ta sách tây nói đến rồi (như quyển G. Dumoutier, *Les symboles, les emblèmes et les accessoires du culte chez les Annamites*), nhưng xét ra còn thiếu và có chỗ sai; vả lại, tuy nhiều nhà có bàn thờ, nhưng có nhiều đồ thờ hiện nay không biết tên là gì, tưởng cũng nên tóm-tắt ra đây. Có nhiều thứ trông hình dạng giống nhau, mà ở đình và ở nhà có khác nhau ở chỗ nét vẽ đường chạm, ít người để ý đến, thí-dụ cùng một đôi câu đối, một bức hoành, thờ đình thì xung quanh chạm rồng hoặc tứ linh, ở nhà thì chỉ chạm triện hoặc bộ-đồ triết-chi. Tứ linh là con rồng, con ly, con rùa và con phượng, người ta thường gọi là long, ly, qui, phượng. Bộ-đồ là tám cái quí-báu (bát bảo), tức là bút, sách, quạt, gươm, lẵng hoa, đàn sáo, bầu rượu, túi thơ; nhưng mỗi nơi một khác, có nơi làm pho sách, như-ý, cuốn thư, lẵng hoa bầu rượu, đàn tỳ-bà, quạt vả, phất-trần: quyển *L'art à Huế* (Bulletin des Amis du Vieux Huế, 1919, trang 62 6[illegible]) có chép cả. Triết-chi nghĩa đen là cành cây đã bẻ, tức là mỗi cái bát bảo cài vào một cành cây, gọi là triết-chi bộ-đồ. Lại thí dụ như bức cửa võng, ở đình thì chạm lưỡng long triều nguyệt (hai con rồng chầu mặt nguyệt), lục long ngự thiên (sáu con rồng bay trên giời; về sự tích con rồng, xin xem Dr Gieseler, *Le mythe du dragon en Chine* trong *Revue archéologique*, juillet-décembre 1917, trang 104-170), ngũ phượng hàm thư (năm con phượng ngậm tờ thư); mà ở nhà thì chạm năm con dơi, tức ngũ-phúc, hoặc phù-dung con trĩ (chim trĩ đậu cành phù-dung), liên-áp (con vịt lội đầm xen), mai điểu (chim sẻ đậu cành mai), v.v. Đại-khái những loài quí, như rồng phượng, thì chỉ ông vua hoặc các đình thờ thần thờ thánh, mới dùng; nhưng lâu nay các nhà tư cũng đã dùng lẫn.

Lập ra đền thờ là vì cớ gì? Muốn biết rõ nguyên-uỷ, xin xem quyển *Essai historique sur le sacrifice* của ông Alfred Loisy (dầy 552 trang). Nói riêng về phong-tục ta thì theo nghĩa « sự tử như sự sinh » (thờ người chết cũng như thờ người sống), nên mới lập bàn thờ để thờ cúng cha mẹ, ông bà và các tổ tiên đời trước. Hai là do câu « hữu công tắc tự chi » (có công-đức đối với dân, nên dân thờ cúng); vì thế mới có đình để thờ thành-hoàng, tức là các vị công-thần đời trước, nhưng cũng có khi là tiền bất chính. Ba là thấy cầu việc gì được linh ứng, cho nên thờ cúng, và dựng nên đền đài, dinh phủ.

Thường nhà quê ta mỗi làng có một ngôi đình để thờ thành-hoàng và hội-họp công dân, — miếu hay miễu để thờ thần-linh hoặc thổ-thần, — chùa hoặc am để thờ Phật, — điện thờ chư-vị hoặc thờ thánh, như điện đức Thánh Trần. Cũng có làng có miếu thờ thành-hoàng, gọi là nghè: thần-tích thần-sắc đồ ở đây; thường năm đến kỳ tế, rước ở nghè ra đình, tế xong lại rước vào. Cũng có làng rước sắc ở đình vào nghè để tế, tế xong lại rước ra đình.

Chính ra đình chỉ để ngồi họp; ngày xưa dùng để tiếp những sắc-dụ và huấn lệnh của nhà vua, mỗi tháng cứ mồng một ngày rằm, các đàn anh trong làng họp các con em để giảng những huấn lệnh. Theo tục thờ thần, thì mồng một ngày rằm họp nhau để lễ, thường gọi là lễ sóc (mồng một) vọng (ngày 15), cũng có nơi gọi là lễ vấn (do chữ kinh Lễ, con thờ cha mẹ sáng tham tối viếng, tức là vấn an). Người nhà quê muốn tiện việc mới làm một cái cung ở trong đình theo khác chữ « công », chữ « đình », chữ « môn », chữ « quốc »; tiếng là trong cung thờ thần, ngoài đình hội họp. Cung ấy có nơi gọi là miếu, là điện. Chính miếu là nhà thờ của vua, như thái-miếu, tiên-miếu; nhà thờ của dân gọi là gia-miếu, tức là nhà thờ họ; sau gọi chung các miếu thờ thần thánh như văn miếu võ miếu long thần miếu, v.v.; còn miễu do chữ

(Xem tiếp trang 8

Khái luận và Phê-bình Thi-ca cũ

Lịch-sử và Thi-ca

Thi-nhân và lịch-sử — Vè và ca-dao là những mẩu phim con của cuốn phim lịch-sử — « Văn-chương chiến-tranh » : Những lời cảm-khái thiết-tha — Những bản khải-ca đầy lòng khiêm-nhượng — Những lời tự-nguyện ái-quốc, trung quân — Những bài thơ huyết-lệ

Số 2

của HOÀNG THIẾU-SƠN

Trong khúc khải-ca, cũng chỉ ngân lên bao điệu trung-quân, ái-quốc. Tuyệt không có một giọng tự đắc tầm-thường :

« Đoạt sóc Chương-dương-độ,
Cầm Hồ Hàm-tử-quan.
Thái-bình tu nỗ lực,
Vạn cổ thử giang sơn. »

Dịch :

Cướp giáo bến Chương dương
Bắt giặc ải Hàn-tử
Thái bình rán sức nha ! (1)
Giang sơn ấy muôn thuở.

Thật là một lòng thương nước có thể « *nhổ núi lay thành* ».

Tướng quân Phạm - ngũ - Lão nho-nhã hơn Trần quang Khải, đã thuật hoài chí-khí mình một cách điềm tĩnh, và thâm-thúy hơn.

« Hoành sóc giang-san cát kỷ thâu,
Tam quân tì hổ khí thôn ngâu
Nam-nhi vị liễu công-danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ-hầu. » (2)

Dịch :

Ngọn giáo non sông trải mấy thâu,
Ba quân hùng hổ át sao Ngâu.
Công danh nếu để còn vương nợ,
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.

***

Lịch sử không phải chỉ dệt toàn những cuộc chiến-thắng. Còn biết bao lúc tang - thương, biết bao hồi đau-đớn, Và mỗi lúc « *nước nhà gặp cơn bĩ* » thi-sĩ căm gan tím mật, mắm môi trợn mắt không phải ít. Người ta vẫn bảo truyện Kiều là một thiên « *trường hận* ». Hai câu thơ « *nhớ nước* » « *thương nhà* » của bà huyện Thanh-quan qua đèo-ngang đã làm mọi người ngạc nhiên và chảy bao nhiêu mực trong làng phê bình.

Năm 1413, vua Trần-Quý-Khoáng phái Nguyễn Biểu sang Tàu cầu-phong. Dọc đường gặp Trương-Phụ. Phụ thết Biểu một bữa tiệc đầu người. Biểu ung-dung ngâm một bài thơ rồi ngồi vào chén. Xong bữa tiệc ghê-gớm ấy, Biểu chửi Phụ mà chết. Vì trước khi chịu mệnh ra đi, đáp lại bài thơ tiễn biệt của chúa, Biểu đã khẳng-khái quyết rằng :

« Há một cung tên lòng chí trẻ,
Bội mười vàng sắt đúc gan già. » (3)

Mỗi lần triều-đại thay-đổi, mỗi lần có kẻ gian-thần thoán-nghịch, quốc-thị phản-động, chí-sĩ phản-đối, thi ca lại được dịp giàu thêm những điệu phẫn-uất phi-thường, những lời khẳng - khái vô song. Thi-nhân Việt-Nam không vênh-vàng trước sự chiến-thắng, trái lại họ rất hùng-hồ trước những sự bại tục, đồi phong.

Hồ-Quý-Lý khi cướp ngôi nhà Trần đã chịu bao nhiêu câu thơ phỉ-nhổ của những kẻ chỉ muốn xả thân vì chúa cũ. Có kẻ bắt trước Thân Bao-Tư đem huyết lệ kêu gào dưới cửa khuyết Yên-kinh mong nhờ tay ngoại-quốc lập lại ngôi Trần :

« Cô - thần trung - hiếu hiệu tư-vi,
Bạt-thiệp sơn - xuyên thượng-đế kỳ.
Túy thủ vương-trì bàng huyết lệ,
Ngưỡng kỳ thánh-chủ huống vô-si. »

Dịch :

Tôi trung cối cút quyết ra tay,
Lặn suối trèo hon mới tới đây.
Thềm ngọc nát đầu chan huyết lệ,
Ngửa mong hoàng thượng cứu oan này. (4)

. . . . . .

« Trần sự lăng di vị khả kỳ,
Ngậm oan bão hận hữu thiên tri.
Nam - phương thần tử hoài trung nghĩa
Thệ quốc tồn khu phạt Quý Ly ».

Dịch :

. . . . . .

Chừa chắc họ Trần đến nỗi này,
Ngậm oan nuốt giận có trời thay.
Phận tôi, Nam-Việt ôm trung nghĩa,
Giết Quý-Ly thề quyết xả thây. (5)

. . . . . .

« Thế sự du du nại lão hà ?
Vô cùng thiên-địa nhập hàm ca
Thời lai đồ-điểu thành công dị,
Sự khứ anh-hùng ẩm hận đa !
Chỉ chủ hữu hoài phù địa trục,
Tẩy binh vô bộ vãn thiên hà !
Quốc thù vị báo, đầu tiên bạch,
Kỷ độ long-tuyền đới nguyệt ma...»

Dịch :

Việc còn bề bộn, già quách rồi !
Trời đất mênh-mông ! chén hát chơi.
Đồ-điểu ưa mày, thường gặp bước !
Anh-hùng lỡ thế, luống căm hơi !
Phò vua, những muốn quay then đất,
Gột giáp, nhưng khôn mức nước trời.
Nợ nước chưa đền, đầu nội bạc !
Loáng trăng, thanh kiếm, mấy phen, mài... (6)

Bài bát cú sau nầy của Đặng Dung, Lý-Tử-Tấn đã phải bảo : « Phi *hảo-kiệt không làm được.* »

Có kẻ trung thần vì lòng luyến chúa đã phải họa diệt-vong. Trước khi đưa đầu cho đao phủ họ đã để lại những câu tuyệt-mệnh khá thường khảng khái :

« Thốn đao trừ tàn thiên địa bạch ;
Nhất tâm báo quốc quỷ thần tri.»

Dịch :

Chiếc dao giết giặc nêu trời đất,
Một dạ thờ vua tỏ quỷ thần. (7)

. . . . . .

« Tàn niên tứ thập hữu dư tam,
Trung - nghĩa phùng chu tử chính cam ;
Bão nghĩa sinh tiền ưng bất phụ,
Bộc thi nguyên thượng cảnh hà tàm ?»

Dịch :

. . . . . .

Tuổi bốn mươi ba đến bước cùng,
Tôi trung thịt nát cũng cam lòng.
Trọn đời vì nghĩa không bẻo bạc,
Trên bãi phơi thây há thẹn thùng. (8)

Bao nhiêu kẻ tử vì đạo là bấy nhiêu ông Văn-Thiên-Tường, vị tể tướng trước khi chết còn quay đầu về nước cũ, thán rằng :

Từ nay không lại Giang-Nam nữa,
Mong hóa làm quyên đem máu về ! (9)

Nếu tôi không nhầm trong văn chương Tây-Âu không có những loại văn như những loại tôi vừa kể đây. Loại văn sau nầy có lẽ ở các nước ấy cũng không đến một trình-độ cao như ở nước ta.

***

Lối văn sau nầy so với các lối trên không kém về hùng-kiện lại có phần tha-thiết hơn nữa.

Ấy là lối biểu tấu của các trung thần ngăn vua, can chúa và lối thơ từ giao thiệp với ngoại quốc lân bang.

Không có một nước nào mà văn chương đã dùng để phụng sự nhân sinh đắc lực như ở dưới trời Nam nầy. Lúc chinh chiến thơ phú dùng để khêu cao ngọn lửa ái quốc, khi thắng-trận để bá cáo xa gần, khi phủ định để khóc

(Xem tiếp trang 20)

1) *Bản dịch của Nguyễn-hiệt Chí Việt Nam Cổ Văn Học Sử quyển I trang 315.*

2) *Bản dịch của Trần trọng Kim.*

3) *Nguyễn đổng-Chi — Việt-Nam Cổ Văn Học Sử quyển I, trang 421*

4) *Thơ của Bùi bá Kỳ.*

Bản dịch trong V.N.C.V.H.S. q I trang 429.

5) *Thơ của Bùi-bá-Kỳ, bản dịch trong V.N C.V.H.S. q I trang 430.*

6) *Bản dịch của Hoa-Bằng.*

7) *Thơ của Lê hiệu Phủ, bản dịch trong V.N.C.V.H.S q I trang 427.*

8) *Thơ của Lưu-Thường, bản dịch trong V.N.C.V.H.S. q I trang 427.*

9) Tống Kim biệt khước Giang Nam lộ, Hóa tác đề quyên đái huyết quí

ĐỒ THỜ CỦA TA

(*Tiếp theo trang 5*)

miếu nói trạnh ra. Điện là cái nhà của vương-hầu, hoặc đền vua ngự, như điện Thái-hòa ; sau gọi rộng ra là đền thờ thánh, như điện đức thánh Trần. Đền cũng là nhà thờ thần thánh và các bậc anh hùng hào-kiệt, như đền Hai Bà, đền trung-liệt ; chỗ vua chúa ngự cũng gọi là đền, như trong *Nhị độ mai* có câu « Tạ từ lạy trước đền rồng ». Còn đình, phủ, đài, tĩnh, là bàn thờ lay miếu thờ thần về đẳng chư-vị, như đình cậu, đình cô, phủ Giầy thờ bà Liễu-hạnh, đài thờ âm linh, tĩnh thờ các bà, v.v. Cây hương, rây nhang thờ các vị thổ-thần hoặc bản-mệnh. Văn-miếu là miếu thờ đức Khổng ở tỉnh ; — phủ và huyện gọi là văn-chỉ ; — tổng và làng gọi là tự-chỉ, đều là cái nền để tế đức Khổng. Võ-miếu là miếu thờ đức thánh Quan. Đàn xã-tắc thờ thần Xã tức thần đất, và thần Tắc tức là thần lúa. Đàn tiên-nông thờ thần làm ruộng.

Tuy chia ra như thế, nhưng gần đây bình như người ta nghĩ rằng « hữu thành tất hữu thần », nghĩa là thờ cúng phải có lòng thành thì thần mới chứng, cho nên tiện đâu thờ đấy, không được phân-minh như trước : có chùa thờ cả bà Liễu và đức thánh Trần ; có điện trên thờ tranh Phật bà, rồi lại thờ lẫn tam-phủ tứ-phủ ; có làng thờ ba bốn vị thần, cả dương-thần âm-thần, mà thờ cùng một cung, hỏi ra khi xưa nhà vua mới cho dân thờ thì mỗi vị đều có miếu riêng, sau vì dân làng ấy muốn tiện, mới thờ chung như thế.

Ở đình cũng như ở nhà, đều theo câu « sự vong như sự tồn » (thờ người đã mất cũng như khi hãy còn). Trên ban thờ có cái ngai, ở nhà thì gọi là ỷ ; ở đình thì chạm hai con rồng, ở nhà thì chạm « long-hỏa », nghĩa là một gốc cây hình như đầu rồng. Trước ban thờ thì bày tam sự hoặc ngũ-sự ; tam-sự thì ở giữa là cái bình hương, hai bên hai cây đèn ; ngũ-sự cũng như tam-sự, có thêm hai ống cắm hương bầy ở giáp bình hương. Tam sự hoặc ngũ-sự bầy thẳng một hàng phía ngoài trên hương-án ; còn phía trong hương-án thì hai bên có hai cái lọ « độc-bình » ; không có lọ thì tiện hai cái ống cắm hoa bằng gỗ. Còn ở giữa thì bày một cái khay có chân quỳ, trên để ba cái đài, mỗi đài có một cái chén để đựng rượu ; hai bên lại có hai cái đài nhỏ, để một bên cơi trầu, một bên bát nước. Có khi để ở giữa một cái kỷ tam-sơn, hình ba đợt như ba tầng núi : giữa để lư-hương, một bên trầu, một bên nước, hoặc bên trầu bên rượu. Ngọc-kỷ thì để thêm được bình hoa và ống hương.

Ngai ở đình thường đặt lên một cái sập con ở trong cung cấm. Trên ngai có một cái long-vị hoặc long-bài, làm bằng gỗ, hình như người ngồi, ở giữa đề tên hiệu thần. Thường đặt một cái gương ở trước long-vị, lấy nghĩa như ông quan cầm hốt. Làng nào thờ ba bốn vị thần, thì mỗi vị có một cái gương để trước long-vị, và một cái lư trầm để ở ngoài cái gương. Mỗi vị lại có một hòm sắc bày ở trước ngai.

Phía trong cửa cấm có một cái sập đặt những đồ tế lễ. Hương án để tận ngoài cửa cung, hai bên có hai cọn hạc, phần nhiều cao bằng người đứng ; dưới chân hạc có tạc hình con rùa, cho nên phong-dao có câu : « Thương thay thân-phận con rùa, trên đình đội hạc, dưới chùa đội bia ! »

Trước ngai bầy một cái giá, gác ba ngọn gươm, người ta thường gọi là gươm vía hoặc gươm cần. Những vị thần nào khi sinh-thời có công đánh đông dẹp bắc, thì có làm hai con ngựa gỗ, hoặc trắng hoặc đỏ, ở dưới chân có bánh xe ; khi nào rước thì đem đi, để hình trạng khi đi đánh giặc. Đền Hai Bà Trưng có hai con voi để thờ, có lẽ khi xưa Hai Bà cưỡi voi đi chống Mã-Viện cũng như bà Triệu chống quân Ngô.

Hai bên gian giữa đình, cờ, quạt, tàn, lọng lỗ-bộ và bát bảo. Tàn lọng thì chắc ai cũng biết ; chỉ có lỗ bộ, cần phải nói qua. Lỗ ở đây là cái mộc. Phàm đồ nghi-trượng (tức đồ trần-thiết trang-nghiêm), thì cái mộc đi trước, cho nên lỗ đứng đầu sổ (bộ) mà thành tên lỗ-bộ. Lỗ còn nghĩa là nước mặn, nước bể. Phàm xe vua đi, trước phải rảy nước mặn cho ẩm đường đỡ bụi, cho nên lỗ đứng đầu sổ nghi-trượng. Vậy thì lỗ-bộ là tên chung tất cả những đồ hành-ngơi trước sau đám rước nhà vua, mỗi đời vua có một nghi-vệ riêng. Đời vua Lê Thái-tông (1433-1442) lỗ-bộ có những thứ sau này : qua (giáo), phủ (rìu), việt (búa), chàng, phan, tinh, kỷ, mao, tiết (sáu thứ cờ), quạt, lọng và quân kỵ-mã (chép theo *Lịch triều hiến-chương*, bản sao của Bác-cổ, số A 1551, quyển 20, tờ 20 b).

Hiện thấy trước ban thờ đức thánh Văn-xương ở đền Ngọc-sơn (Hà-nội) có một thanh dao trường, một nắm tay cầm bút, một cái búa, một cái quạt, một cái kích, một cái cờ tinh.

Còn đồ lễ-bộ, thì các đình thường có hai thanh mác trường, hai ngọn cờ tiết-mao, hai cái dùi đồng, hai cái phủ-việt (tức lưỡi búa hoặc lưỡi rìu), hai cái biển, một cái khắc chữ tĩnh-túc (nghĩa là yên-lặng cung-kính), một cái khắc chữ hồi-tị (nghĩa là tránh đi). Theo tục ngày xưa, khi ra quân, những người có tang hoặc bất-cự, đều phải tránh. Đám rước là hình-trạng khi hành quân, cho nên có hai cái biển tĩnh-túc và hồi-tị.

Có đình làm hai cái biển, hai cái phủ-việt, bốn thanh gươm trường, một tay văn (cầm bút) và một tay võ (hình nắm tay). Có đình làm hai cờ tiết-mao, hai long-đao, một bán-nguyệt, một xà-mâu, một dao tứ nhĩ và một dao ngạc-ba (tức đinh-ba).

Gần của cung cấm trong đình thường cắm một bên lá cờ, một bên cái biển, đề chức-tước của vị thành-hoàng (thí dụ : lịch triều gia tặng, thượng-đẳng phúc-thần), người ta gọi là cờ vía, biển vía.

Có đình có một hai lá cờ đại, đến ngày hội mới kéo ở sân đình, và năm hoặc mười lá cờ ngũ-hành. Cờ ngũ-hành năm màu, giữa thêu rồng. Có cả cờ đuôi nheo để khi rước, reo cho những phu kiệu theo.

Có rước mới đem kiệu ra, có khi rước một cỗ mũ thờ, có khi rước cả ngai. Làng nào có thờ âm-thần thì sắm thêm võng thờ. Long-đình cũng là một thứ kiệu, nhưng có mui, dùng để đặt lễ phẩm trong khi đến làng khác lễ, hoặc để rước những bản văn-tế, thường chỉ có bốn người khiêng, còn kiệu thì 16 người hoặc 32 người.

Nhà thờ của dân thì không có cờ, quạt, trừ những nhà quan thì có lọng, có biển ; có nhà có cả lỗ-bộ. Trong các đồ thờ ở tư-gia lại có mấy cái khác, ở đình không có, là cái mâm-xà và mâm-qui : mâm-xà làm như mâm gỗ vuông, có bốn chân, có cổ, có vai như hình hương-án ; trên mâm-xà có cái mâm-qui, làm chân như hình khung vuông, bốn bên đề ô vuông, trống không, đặt cả trên cái sập phía trong hương án, trước mặt cái ỷ.

Trên mặt ỷ có đặt thần-vị. Thần-vị tức bài vị, làm như hình người, giữa đề tên, thí-dụ « Nguyễn công húy Mỗ, thần-vị ». Thần-vị thường đề chung các vị tổ-tiên. Nhà nào thờ khám, thì trong khám đề thần-chủ. Khám hình như cái tủ, có cánh cửa mở ra đóng vào. Thần chủ làm bằng một phiến gỗ, trong viết tên họ, ngày tháng người đã mất ; có một cái bộp lồng ở ngoài, sơn phấn, viết chức tước, thí-dụ : « Cửu phẩm Nguyễn-công, húy Mỗ thần-chủ », chữ chủ ấy chỉ viết chữ vương, còn cái chấm phải mời một vị quan to đến chấm bằng son. Thường ngày để thần-chủ ở trong khám ; gặp ngày kỵ ông bà nào mới đem thần-chủ ấy ra, đặt trên ỷ để cúng ; còn những ngày tết và ngày xuân thu, ngày đông-chí, ngày chạp, thì đem tất cả ra cúng tế.

Trong các đồ thờ hiện-tại có vài thứ từ trước còn lại ở một vài nhà, như cái cơi thồ và cái khay vuông : cơi thồ làm bằng gỗ, dưới tiện trên lồng, chỉ khác cái dài, là dài thì hình tròn, cơi-thồ thì hình bầu-dục, để đựng trầu cau lễ ; còn cái khay vuông là để bốn chén nước.

Ấy đại khái đồ thờ ở đình ở nhà, theo đạo nho, thì như thế ; ngày nay có nhiều nơi không theo đúng như lễ cũ, cho nên nói qua ra đây để ghi lấy cái văn-hóa nước nhà, và bổ-cứu cho bài *Essai sur le dinh et le culte du génie tutélaire des villages au Tonkin* của ông Nguyễn-văn-Khoan (đăng ở *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, quyển XXV, trang 107 139), tưởng cũng không phải là vô ích.

Đến như đồ thờ ở chùa, là theo về đạo Phật, trừ những pho tượng ra, còn thì cũng tam-sự ngũ-sự, hoành-phi, câu đối, như đình và tư-gia. Chùa có khác đình, là đình thì có cờ, có quạt, có võng, có lọng, có kiệu, có long đình, có voi, có ngựa ; mà ở chùa thì không có, vì đạo Phật theo thuyết hư-vô, nên hết thảy những đồ thờ để kỷ công thì không dùng đến. Duy có khác đạo nho là có mấy ngọn phướn, mâm bồng, linh chử. Ngọn phướn của nhà Phật cũng như cờ biển vía của các vị thành-hoàng. Mâm bồng thì ai cũng biết là thứ mâm có chân cao thắt cổ bồng ; ; nhưng ở chùa có thứ mâm bồng trên mặt tròn, ở dưới hình như cái quả. Linh chử, thường làm hai đầu hình quả lựu, ở giữa thắt lại để cầm ; cũng có cái, một đầu hình quả lựu, một đầu hình cái chuông : nhà chùa dùng trong khi lập đàn cúng, một vị sư cầm linh-chử rung lên để chiêu âm-hồn ; chữ phạm (sanskrit) gọi là vajra, chữ Hán dịch là kim-cương. Mỗi khi tụng kinh, có chuông và mõ, cũng có chùa có bản nhạc,

(*Xem tiếp trang 23*)

Một bậc chí-sĩ đời Lê mạt

ÔNG TRẦN-DANH-ÁN

KHÁI-SINH

Ông, là con cụ Trần Danh Lâm, tác giả bài tựa quyển *Vân đài loại ngữ* của Lê-quí-Đôn, người làng Bảo-Triện, thuộc huyện Gia-bình tỉnh Bắc-ninh, đỗ tiến-sĩ khoa Đinh-mùi (1787), đời vua Chiêu Thống nhà Lê.

Ông vốn người khảng khái, có chí-khí. Ngay từ thuở nhỏ, khi còn đi học, nhiều lần ông đã tỏ là cậu học trò không chịu thua ai.

Chính năm ông đỗ tiến-sĩ, nhằm lúc mạt vận nhà Lê, thế nước suy vi, vì từ đời vua Hiển-Tông (1740-1786), chúa Nguyễn vẫn xưng hùng ở vùng Nam, nhà Trịnh vẫn làm mưa gió ở vùng Bắc, nhân dân khổ sở, lầm than tột bực. Kịp đến khi Nguyễn-Huệ đem quân ra diệt nhà Trịnh, bề ngoài nói là để giúp vua nhà Lê nhưng kỳ thực là có ý thống nhất Nam Bắc. Lúc ấy, vua Chiêu-Thống điêu đứng vô cùng, nhất là từ khi vua Chiêu Thống dựa vào cái thế Nguyễn-Hữu-Chỉnh mà ngồi vững trên ngai vàng rồi chính Nguyễn-Hữu-Chỉnh lại bị quân Vũ-văn-Nhâm do Nguyễn-Huệ cử đi đánh bại rồi đuổi ra khỏi thành Thăng-long, thì từ khi ấy vua phải khổ cực, hết phải chạy sang Kinh-bắc về đóng ở núi Mục-Sơn (vùng Yên thế bây giờ) rồi lại phải chạy về núi Bảo-lộc mà nay ở Hải-dương, mai ở Sơn-nam, tình cảnh rất là nguy nan.

Khi ấy, ông Trần-Danh-Án đang sung chức hầu cận vua, chung quanh biết bao gương phản phúc vì trong đám bề-tôi, có người nếu không ra theo phò Tây-sơn thì cũng lánh về nhà vui thú điền viên hay gia đình, lại cũng có người như bọn Đinh-Tích-Nhưỡng thì giở mặt làm phản. Nhưng ông, ông không bao giờ dồi chí, ngày đêm vẫn theo hầu bên cạnh vua, nửa bước không dời.

Nhà vua thấy ông là người học rộng tài cao, lại một dạ trung quân ái quốc, mới sai ông sang cầu cứu nhà Thanh.

Thoạt tiên ông thảo một bức thư làm nhời vua Chiêu-Thống gửi cho viên phân phủ Thái-bình là Lục-Hữu-Nhân. Trong thư đại ý nói :

« Trong ba trăm năm nay, nước Nam tôi nhờ uy đức Thiên-tử vẫn được vui vẻ thái bình. Không ngờ, gần đây, vận nước suy vi, thần dân li tán, Nguyễn-văn-Huệ tuy là rể nước (1), nhưng không hề nghĩ gì đến nghĩa cả, chỉ lúc nào cũng lăm le tư lợi, đang khi có tang mà cử đốc quân ra đánh, cướp lấy kinh-đô. Kẻ hạ-thần này thế cô phải lần lút mãi, thành ra không có thì giờ cáo lỗi với thượng-quốc và sai sứ sang cầu phong, thực là đắc tội. Vậy dám xin ngài hãy xét tình thực mà lượng thứ cho tôi, và mong ngài vui lòng đạo đạt cái tình cực khổ của tôi lên đứng Thiên-tử để Bệ-hạ đoái thương đem quân sang cứu giúp cho, sau này nếu tôi thu phục được giang san thì cái ơn trời bể ấy, tôi không bao giờ giám quên ».

Vua Chiêu Thống đọc bức thư trên mừng lắm vì đã rõ được hết tình ý, vui vẻ cử Lê-duy Đản làm chánh-sứ, ông làm phó sứ với vài người chân tay nữa đi sứ

Nói là đi sứ cho có vẻ, chứ kỳ thực hai ông Đản và Án lần này đã phải đội nón mê, mặc áo rách, nhập vào bọn đi buôn hay tụi đi săn để che mắt các nhà chức trách triều Tây-sơn, vì bấy giờ Tân-triều cho phòng thủ các địa hạt nhất là nơi biên thùy rất nghiêm ngặt, ai không có giấy thông hành thì nhất lề không được qua lại.

Ta thử đọc hai câu thơ này của ông Trần danh-Án cảm xúc mà ngâm thì đủ biết sự đi sứ đây thật là đặc-biệt có một không hai trong lịch sử ngoại-giao thế giới :

Thiên cổ do truyền kỳ tuyệt sự :
Tệ sam, tàn lạp : sứ thần trang !

Dịch

Để mãi nghìn năm chuyện lạ :
Sứ-thần áo rách, nón mê !

Đội nón mê, mặc áo rách đã là quá-quắt, thế mà khi hai ông lần mò đến Lạng-sơn, lại phải róc tóc giả làm người Tàu mới lại cực nữa. Nguyên là khi tới đó, tướng Tây-sơn là đô-đốc Nguyễn văn Điềm cho thám tử và binh lính đi khắp mọi nơi để xem có người Nam nào qua lại không, việc xét nét này rất

gắt gao, nên hai ông phải cắt tóc, đi lẫn vào phường buôn Tàu xuyên qua rừng núi mới trốn thoát.

Những lúc lần lút đi sứ, đối cảnh sinh tình, nguồn thơ lai láng, ông Ấn không thể không ngâm.

Trong những bài thơ ông ngâm vịnh khi ấy, chúng tôi xin lục đăng mấy bài này :

Phiêu linh bình ngạnh cùng du tử
Bạt thiệp quan sơn liện hữu ly
Hứa chủ vô tài duy khẩu thiệt,
Thù nhân nhất thoại thất tu mi
Hành sả dụng tàng hữu phận mệnh
Đông tây nam bắc vô hiềm di
Tôn miếu hạnh an thần trách tắc,
Sơn hồ hảo dữ bệnh tương nghi

Dịch nôm :

Trôi dạt cánh bèo thân khách mỏi,
Xông pha cửa ải chức quan hèn.
Rốc lòng vì chúa riêng mồm-mép ;
Chỉ nhờ tấc lưỡi đền ơn nặng
Cất tiếng chiều người cũng nhọ nhem !
Một dạ ở, đi, đành có phận.
Bốn phương xuôi ngược thảy đều quen.
Non sông yên vững lòng tôi trọn,
Bạn với non hồ, nhẹ bịnh duyên.

***

Sắt sắt hàn phong tống vãn thu,
Khê đầu tài quá, hựu sơn đầu
Nhân tâm khả thị do tư Hán
Thiên mệnh ưng tri vị tuyệt chu
Minh thảo tự hàm hưng phế hận
Lưu truyền như yết biệt ly sầu
Giang sơn tin mỹ, vô nhai cú
Hành khách hà tâm tả thắng du ?

Dịch nôm :

Gió đưa lạnh lẽo buổi tàn thâu,
Vừa trải khe trong, lại núi sâu.
Lòng chúng riêng mừng còn nhớ Hán,
Ý Trời, may thấy chửa lìa Châu.
Cỏ hưng phế ủ như đeo hận ;
Suối biệt-ly kêu tựa nỗi sầu !
Non nước đẹp sao ! thơ lại vụng,
Lòng đâu tả được cuộc hào du !

***

Biệt thời thiên ngữ ký đinh ninh
Xã tắc tồn vong hệ thử hành
Hoa thảo đối nhân như tố oán
Giang sơn tự khách bất tri danh
Tam thiên chinh lộ yên nham lão
Nhất phiến cô trung nhật nguyệt minh
Bạt thiệp cần lao thần tử phận,
Quốc gia ân trọng cố thân khinh

Dịch nôm :

Nhớ nhời vua dặn lúc chia tay,
Xã tắc còn, không, ở bước này.
Hoa cỏ gặp ai như tỏ nỗi,
Non sông tựa khách cũng không hay.
Yên lam già sọc ba nghìn dặm,
Nhật nguyệt soi chung tấm dạ ngay :
Biết phận làm tôi không ngại nhọc,
Nặng lòng lo nước, nhẹ thân này.

***

Sàng nậu yểm yểm bất xuất môn
Lữ sầu tiêu đắc kỷ hoàng hôn
Nhược khu chi ỷ tam phân sấu
Chính khí duy trì nhất điểm tồn
Vô dược khả y ưu quốc bệnh
Hữu quan nan trở mộng gia hồn
Tương lân hạnh hữu đồng tâm lữ :
Thời khải kim tiền uy nhất ngôn

Dịch nôm :

Quanh quanh giường chiếu, cửa không ra,
Sầu khách bao nhiêu, bấy bóng tà !
Chẳng tiếc thân tàn gầy đến thế
Chỉ nhờ khí chính chống kia mà.
Thuốc nào chữa được lòng lo nước ?
Ải mấy khôn ngăn giấc nhớ nhà !
May gặp bạn thân thương sót đến,
Một nhời yên ủi, mở thư ra

***

Chẳng bao lâu hai ông đã đến châu Ninh-minh, liền vào ra mắt viên tri châu họ Lý rồi nhờ người giới thiệu đưa vào yết kiến viên phân-phủ họ Lục ở phủ Thái-bình.

Ở mỗi nơi ông Ấn đều làm cho các viên quan ấy phải kính phục ông, vì từ nhời ăn tiếng nói đến những thư từ qua lại, họ đều phải tấm tắc khen là « Nam quốc hữu nhân, » (nước Nam có người).

Khi viên phân-phủ họ Lục đọc xong bức thư của vua Chiêu Thống, trong lòng cảm động lắm, liền hứa giúp.

(Xem tiếp trang 14)

1) Nguyễn Huệ lấy Ngọc-Hân công-chúa, con gái vua Lê Hiển Tông.

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Các khanh sao phải lo việc đó? Thằng Vũ-như-Tô, trẫm dùng nó cho được việc; nhưng trẫm thù nó thâm gan tím ruột. Đài Cửu-trùng xây xong hôm trước, thì hôm sau nó rụng đầu...

BỌN CUNG-NỮ

Ý đấng Chí-tôn, chị em thần-thiếp không sao kịp.

LÊ-TƯƠNG-DỰC

... Có thế thì trẫm mới nguôi được cơn giận. Ngay từ khi trẫm mới gặp nó, trẫm đã có ý trừ tên vô lễ. Dùng nó cho được việc đấy thôi.

BỌN CUNG-NỮ

Thần-thiếp cũng chung một cơn giận. Lại còn một việc nữa, tâu Hoàng-thượng...

LÊ-TƯƠNG DỰC

Việc chi?

BỌN CUNG-NỮ

Nó có tình-ý chi với con mụ Đan-Thiềm.

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Các khanh tưởng trẫm không biết sao? Trẫm biết cả..

KIM-PHƯỢNG

Chúng làm bần chốn tôn nghiêm.

LÊ-TƯƠNG DỰC

Cứ để chúng đấy. Xây xong Cửu-trùng-đài trẫm sẽ luận tội cả đôi.

Nội giám vào

Cảnh V

Những người trên — Nội giám

NỘI-GIÁM

Tâu Hoàng-thượng, Nguyên-quận-công Trịnh duy-Sản xin vào bệ kiến có việc khẩn-cấp.

LÊ-TƯƠNG-DỰC cau mặt.

Trịnh-duy-Sản! Lão gàn quải! Có việc chi khẩn-cấp? (nghĩ một lúc) Cho vào.

Nội giám ra.

Cảnh VI

Những người trên, Trịnh-duy-Sản.

TRỊNH-DUY-SẢN quỳ xuống

Hạ thần cung chúc thánh-hoàng vạn-tuế

LÊ TƯƠNG-DỰC

Cho bình-thân. Khanh tìm trẫm, chắc vì có việc quân-quốc

TRỊNH-DUY-SẢN

Tâu hoàng-thượng quả có thế.

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Trẫm đã phó mặc việc nhớn việc nhỏ cho triều-đình, khanh chắc cũng đã biết. Trẫm còn bận việc cửu-trùng đài...

TRỊNH-DUY-SẢN

Hoàng-thượng làm vua một nước, phải để ý đến mọi việc, phó thác làm sao cho chiều-đình được. Huống chi việc xây Cửu-trùng-đài chỉ là phụ, Hoàng-thượng không nên tạ vào đấy mà sao nhãng việc nước.

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Ngươi dạy trẫm sao?

TRỊNH-DUY-SẢN

Thần lo cho vua, cho nước, nên mạo muội tâu bầy. Vả hạ thần là kẻ vô biền, cứ thẳng mà nói. Hạ thần không quen thói xu-nịnh.

LÊ TƯƠNG-DỰC

Ngươi bảo trẫm là tin người siềm-nịnh sao?

TRỊNH-DUY-SẢN

Xin hoàng-thượng nghe nhời thần. Xin hoàng-thượng nghe nhời thần. Có thế thì ngôi báu liệt-thánh truyền cho mới mong giữ được. Hoàng-thượng nên nghĩ đến công-lao đức Thái-tổ. Ngài gian-nan khốn-khổ mới dựng nên đế-nghiệp. Hoàng-thượng không nên để cho cơ đồ nhà Lê trôi theo giòng nước. Hoàng-thượng còn ít tuổi, cần phải nghe nhời trực giám.

Kịch lịch-sử

Vũ như Tô

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

Số 7

LÊ TƯƠNG-DỰC

Trẫm trừ bạo-chúa, lên nối ngôi tôn, bảy năm nay, thiên-hạ thái bình, đâu đâu cũng vẳng tiếng âu ca, đời trẫm là đời thịnh trị, cớ sao ngươi toàn nói giọng bất-tường?

TRỊNH-DUY-SẢN

Hoàng-thượng tin được nhời các quan sao? Họ nói rằng thiên-hạ thái-bình. thực ra phải nói: thiên-hạ sắp loạn.

LÊ TƯƠNG-DỰC

Trẫm không muốn nghe ngươi nữa.

TRỊNH-DUY-SẢN

Hoàng-thượng phải nghe lời lão-thần. Hoàng-thượng nên lấy quốc gia làm trọng... Và nên bãi việc xây Cửu-trùng-đài!

BỌN-CUNG-NỮ

Bãi Cửu-trùng-đài!

TRỊNH-DUY-SẢN

Dâm dật là mầm bại-vong, xa-xỉ là nguồn loạn lạc. Hoàng-thượng là bậc thánh minh, nên nghĩ chín.

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Trẫm nghĩ chín rồi. Khanh hãy lui ra, trẫm không muốn nghe truyện trướng tai nữa. Khanh lui ra.

TRỊNH-DUY-SẢN nói to

Lão thần chỉ lo cho cơ nghiệp nhà Lê, cho Hoàng-thượng, nên mới khổ-giản. Thuốc đắng mới dã tật.

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Khanh đừng giở truyện Trương-tử-Phòng ra nữa. Trẫm cũng thuộc sử như khanh.

TRỊNH-DUY-SẢN thở dài

Hoàng-thượng làm tắc cả đường ngôn luận, đường ngôn-luận đã lấp thì nguy đến thân mình. Người bạn tốt mới nói thẳng, những kẻ lựa ý chiều đời tâng bốc hay giấu-giếm sự thực, tức là những kẻ thù, những kẻ có tội.

LÊ TƯƠNG-DỰC

Khanh không phải là bạn trẫm, Khanh là bề tôi...

TRỊNH-DUY-SẢN

Lão-thần lấy một cái lý dụ đó thôi. Chính vì là một kẻ bề tôi trung nghĩa, nên lão-thần mới vào đây bệ kiến. Tâu Hoàng-thượng, loạn đến nơi rồi!

LÊ-TƯƠNG-DỰC,

Giặc-giã chứ gì.

TRỊNH-DUY-SẢN

Hoàng-thượng không biết rõ. Giặc-giã nổi lên khắp nơi. Đó là một điềm bất tường. Kinh-bắc thì có Thân-duy-Nhạc, Ngô-văn-Tổng; Đất Sơn-tây thì có Trần-Tuân, Tam-đảo thì có Phùng-Chương. Chúng đấy binh làm loạn; giết cả quan-lại Triều-đình, hãm hiếp dân đen, đốt phá làng mạc. Dân-gian không được an-cư lạc-nghiệp, ruộng-nương bỏ hoang, cửi-canh sao nhãng, cực khổ không biết thế nào mà kể cho hết Tiếng oán than nổi lên như ma kêu quỉ khóc. Ai ai cũng chỉ mong chóng được thái bình...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Trẫm đã sai tướng đi đánh dẹp.

TRỊNH-DUY-SẢN

Còn một đám giặc nữa, chúng theo có hàng vạn người, thanh thế lừng-lẫy...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Khanh nói lũ Trần-Cao chứ gì?

TRỊNH-DUY-SẢN

Tâu Hoàng-thượng, chính vậy. Trần-Cao thấy sấm nói ở phương đông có thiên tử khí, cùng đồ đảng đánh lấy đất Thủy-dương Đông-triều, tự xưng là Đế-thích giáng-sinh, nghiễm-nhiên lập một triều-đình riêng trong đất Việt.. Hiện đã kéo quân đến Bồ-đề, chực hãm kinh-thành.

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Trẫm phải đợi đến khanh tâu bầy, thì dễ lũ xương-cuồng Trần-Cao đã làm cỏ kinh-thành. Khanh cứ yên tâm. Trẫm đã sai An-hòa-hầu Nguyễn-Hoằng-Dụ sang đóng quân ở Bồ-đề để chống-giữ giặc đã chạy về Châu-sơn. Kinh-thành này vững như bàn thạch.

TRỊNH-DUY-SẢN

Đã đủ đâu? Còn các nơi?

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Dẹp xong cả.

TRỊNH-DUY-SẢN

Cũng không đủ. Dẹp bọn này, bọn khác lại nổi, như đầu Phạm-Nhan. Bệnh-nặng phải trừ từ rễ. Giặc-giã nổi lên vì dân gian oán triều-đình. Chính-sự đổ nát...

KIM-PHƯỢNG

Nguyễn-quận-Công án nói lạ lùng!

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

GIỚI THIỆU

«Đau mắt hột» — của Bác-sĩ Nguyễn-xuân-Nguyên.

Bệnh đau mắt hột là một thảm-họa của nhân loại, cũng như bệnh lao, bệnh hủi, bệnh ung. Ở nước ta, bệnh đau mắt hột lan khắp giữa dân-chúng, hầu thành một cái nạn chung cho giống nòi. Bởi vậy cần phải tìm phương pháp để tránh cái hại ấy.

Bác-sĩ Nguyễn-xuân-Nguyên đã từng theo học nhãn-khoa trong mười năm, đã có kinh nghiệm, nay đem những điều đã sở đắc và góp nhặt các tài liệu của các nhà chuyên môn, soạn thành một quyển-sách phổ thông về bệnh đau mắt hột. Thực đúng là họp thời. Sách này sẽ giúp ích cho những đồng-bào đã bị đau mắt hột rồi được biết cách mà tránh sự mù lòa, lại giúp ích cho những người chưa mắc bệnh ấy biết nhiều điều cốt-yếu để đề phòng bệnh đau mắt hột cho mình và cho gia-quyến mình.

Sách xếp đặt có phương-pháp, có nhiều bình ảnh hình-dung các biến chứng của bệnh đau mắt hột, nhời văn giản-dị, dễ hiểu, khiến người xem có một quan niệm rõ-ràng về bệnh đau mắt hột.

Vậy xin vui lòng giới thiệu với độc-giả thân yêu của Tri-Tân một cuốn sách có giá trị này.

NHẬT-NAM

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Phap

1p·00 một vé

Ông Trần-Danh-Án

(Tiếp theo trang 11)

Kịp đến khi sớ dâng tới vua Càn-Long nhà Thanh thì vua Tàu sai Tổng-đốc Lưỡng Quảng là Tôn-Sĩ-Nghị đem quân sang giúp.

Sĩ-Nghị, khi đã triêu-tập đông đủ các quân ở bốn tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây, Qui-châu và Vân nam rồi, liền chia làm ba đạo, đạo thứ nhất dưới quyền chỉ huy của quan Tổng-binh tỉnh Vân nam và Qui-Châu, kéo đóng mạn Tuyên-quang; đạo thứ hai thuộc Sầm-Nghi Đống là Tri-phủ Điền châu bấy giờ cai-quản kéo tới mạn Cao-bằng; còn mình thì cùng với đề-đốc Hứa-Thế-Hanh thân đem đạo quân thứ ba sang mạn Lạng-sơn.

Tướng Tây-Sơn là bọn Ngô-văn-Sở, dòm biết ba đạo quân ấy tiến sang nước mình như vũ như bão, lấy làm lo ngại lắm, liền tự ý rút quân về đóng ở đèo Ba-đội, nên khi quân Tàu tiến sang Kinh-bắc (Bắc-ninh), vua Chiêu-Thống đã tề chỉnh mũ áo ra đón chào Tôn-Sĩ-Nghị, tỏ ý rất mừng rỡ rồi cùng Tôn về Thăng-long. Thế là ngai vàng nhà Lê lại tạm được vững chãi.

Chính hôm Sĩ-Nghị làm lễ tuyên đọc tờ sắc của vua nhà Thanh phong cho vua Chiêu Thống làm An-Nam quốc vương, ông Trần-Danh-Án đã thảo tờ đáp-từ và lại dâng thư sang cảm ơn vua Càn-Long, lời lẽ thiết tha, ý nghĩa thâm trầm.

Lại nhân thấy Sĩ-Nghị càng lên mặt vênh vang, nào bắt vua Lê tuy đã thụ phong nhưng các văn thư đều phải đề niên hiệu Càn-Long, nào bắt vua, mỗi khi buổi chầu xong, phải thân đến dinh mình chầu chực việc cơ mật, ông Danh-Án thường làm tờ phân trần phải trái với Tôn-Sĩ Nghị, lời lẽ cứng cỏi, tỏ ra coi nhân cách làm trọng mà phú quí là khinh.

Ấy cũng bởi Sĩ-Nghị lúc đó hống hách quá, lòng người xao-xuyến, lại gặp bấy giờ Bắc Bình vương Nguyễn-Huệ đã rảnh việc trong Nam, thấy Ngô-văn Sở bỏ thành chạy thì quyết tâm cứu dân nước.

« Nói là làm », cái khẩu hiệu của Bắc-Bình-vương là thế. Mà « làm là được », thực thế, vì từ lúc dàn binh kéo ra Bắc, đến khi dẹp tan quân Tầu, chỉ có trong ít ngày thôi.

Khi Sĩ-Nghị thấy quân mình bị giết hết, thây nằm ngổn ngang, thành gò, thành đống mà các tướng tá mình như Trương-Sĩ Long, Thượng-Duy-Thăng, Sầm Nghi-Đống đều phải bỏ xác thì hốt hoảng chạy đi đem theo cả vua Lê-Chiêu Thống, bà Hoàng-thái-hậu và ít cận thần của nhà Lê.

Trong lúc bôn ba, ông Trần Danh-Án đi theo không kịp, phải lưu lạc ở vùng thôn-dã tỉnh Bắc-ninh, ngày ngày tiêu dao với lũ chăn trâu, phường gánh củi. Có khi một đai cơm, một bầu nước, một gian trời trên đỉnh núi, lấy trời làm màn, đất làm chiếu, gió làm quạt, trăng làm đèn, ông hết vịnh thơ lại đọc sách.

Nhiều lúc ông tự nghĩ: trong khi đồng bào còn đắm chìm vào cái bể khổ-cực, vua tôi còn long đong trong cơn táp ba-đào, thì mình nỡ ở ẩn sao đành, nhưng khốn một nỗi, binh quyền chẳng có, thế lực thì không, gia chi đi đường đất hiểm trở, đi lại gian nan, nên ông đành phải khuất thân như vậy cốt để đợi thời vậy.

Vua Tây-sơn, từ khi vào thành Thăng-long, vẫn biết tiếng ông là người có chí khí, định tâm chiêu dùng để mua tiếng tốt trong dân gian. Một mặt sai người đi dò la tin tức ông, một mặt bảo các quan địa phương tìm tông-tích ông.

Ít lâu, khi đã rõ chỗ ông ẩn, vua bèn sai quan đại thần Ngô-Thời-Nhiệm viết thư cho người thân cầm đến mời ông.

Ngô-Thời-Nhậm là một nhà văn nổi tiếng thời bấy giờ, giúp vua Quang-Trung rất đắc lực. Ngay khi vua Quang-Trung đuổi tan quân Tôn-Sĩ-Nghị, vào thành Thăng-long, thấy trong những giấy má Sĩ-Nghị bỏ lại, có tờ mật dụ của vua Càn-long đại khái nói rằng: *Việc quân nên từ đồ, không nên hấp tấp. Hãy nên đưa hịch truyền thanh thế đi trước và cho các quan nhà Lê về nước củ hợp nghĩa binh, tìm tự quân nhà Lê, đem*

Đã có bán

MÁI TÂY

tức

TÂY SƯƠNG KÝ

Bản dịch của Nhượng Tống
Có cả lời phê bình của Thành Thân in làm một quyển — 550 trang bìa litho 5 màu
Giá 8$50

TRĂNG MA LẦU VIỆT

của Quách Tấn
Viết theo bộ « Tàn biên truyền kỳ » của cụ Nguyễn Dữ
Giá 3$20

Phiếm luận về

AUGUSTE COMPTE

của Ng. ái Lang *Giá 3$00*

Sắp có bán

LÝ TAO *của Khuất Nguyên*
Bản dịch của Nhượng Tống

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
29, Lamblot — Hanoi

ra đứng đầu để đối địch với Nguyễn-Huệ, thử xem sự thế thế nào. Nếu lòng người nước Nam còn nhớ nhà Lê, có quân ta kéo đến, ai là chẳng gắng sức. Nguyễn-Huệ tất phải tháo lui; ta nhân lấy dịp ấy mà sai tự quân đuổi theo, rồi đại binh của ta theo sau, như thế không khó nhọc mấy nỗi mà nên được công to. Đó là mẹo hay hơn cả...

(*Việt Nam sử lược*, trang 117)

thì ngài đã đem bảo với Ngô-Thời Nhiệm nhờ Nhiệm dùng lời nói khéo tạ từ với vua Càn-long bên Tàu để hai nước khỏi dùng đến can qua chỉ thêm khổ cho dân-chúng.

Lúc này, Thời-Nhiệm lại được vua Tây-sơn bảo làm tờ triệu ông Danh-Án, Nhiệm liền vâng lời mà viết, thơ đại lược như sau:

« Thầy Mạnh ngày xưa có nói: ta khéo nuôi cái khí hạo-nhiên của ta... » Như ông, ông đã thực khéo nuôi cái khí ấy, tôi đâu dám cưỡng đoạt. Vả tôi vẫn hằng nhớ hai câu thơ:

Ân-ước Cửu sơn vân,
Y hi Thiên-đức thụ (2)

của ông, lòng tôi cảm phục ông lắm lắm. Hiện tôi cùng Thụy-Nham Công cùng ở một nhà, hằng ngày chỉ bàn việc thơ văn, ngoài ra không có việc gì khác, nếu ông có lòng quang cố, xin mời ông đến chơi, ta được gặp nhau chẳng cũng thú lắm sao? »

Bức thư, sơ sài mà hữu ý ấy do một viên quan văn, người thân tín của Ngô Thời Nhậm, lại có tài ăn nói, đưa đến ông Án trong lúc ông đang nằm khềnh ở một cái quán tranh bên đường gần núi...

Viên quan văn ấy dò thăm mãi mới tới nơi, thấy ông, khúm núm đưa trình bức thư. Ông Danh-Án đọc xong, mỉm cười mà bảo sứ-giả rằng: « Ngô tiên-sinh thực quá khen ta! ta đâu dám nhận những lời khen ấy mà đến bàn việc văn thơ với hai đại-nhân. »

— Bẩm, lời viên quan văn, ngài dạy quá. Một bậc túc nho như ngài sao lại quá khiêm thế? Nếu hai quan tôi không có ngài thì hình như không còn ai để bàn nói chuyện văn thơ nữa

— Vậy ư? Nhưng ta biết rồi! ta biết rằng Ngô tiên-sinh muốn ta hội kiến để dụ ta cùng tiên-sinh giúp Tân-triều đó. Cái chuyện bàn văn thơ chỉ là cái kế muốn dùng ta thôi. Nhưng thôi... ở đấy, ta sẽ nhờ mang phong thư phúc đáp cho Ngô tiên-sinh.

Nói xong ông cầm bút thảo bức thư nhờ viên quan văn ấy cầm về.

« Ngô tiên-sinh nhã giám,

« Tôi vừa kính tiếp đọc thư tiên-sinh, lấy làm cảm kích lắm. Chỉ hiềm kiến thức còn hẹp hòi, tâm trí còn tối-tăm, mãi bây giờ cũng còn chưa biết là mình lầm lỗi. Há tôi lại chẳng rõ cân đai mũ áo của Triều-đình ban là quí song mỗi khi tôi nhìn lại non sông hoa cỏ nhà Lê, thì không tài nào quên được! Tuy sức tôi không đương nổi được cuộc hưng tàn tồn vong, nhưng tấm thân này đã trót gắn bó với giang sơn xã tắc rồi mà nước nhất, vua chạy, mình đã không sao ủng hộ khuông phò, lại còn khúm núm cầu chút vinh-hoa để vui sướng lấy riêng mình, tôi đâu có đến nỗi táng tâm quá vậy »!

« Cho nên thường khi tôi luẩn quẩn trong lều tranh vách đất ở chốn ngõ hẻm hang cùng, mà mỗi khi trông vào thành cũ nhà Lê, thì mỗi lần giọt chân lã chã, khó bề ngăn nổi. Than ôi! Tiên-sinh thử tưởng tượng mà xem: cái lúc này của tôi có phải là cái lúc tôi cùng hai tiên sinh bàn việc thơ văn được ư?! Vậy lời nói đầu của tôi là để cảm ơn Tiên sinh đã tri ngộ đến tôi, còn lời nói sau là dám mong Tiên-sinh cứ cố làm cho đạt được chí lớn để giúp ích cho đời, cho nước. »

« Còn thân này, chỉ xin ước ao cứ được mặc áo vải, cầm cày cấy ở cánh bãi Bắc sơn, lúc nào mỏi tay dần chân thì nghỉ lại thà ngâm câu « *Ân ước Cửu-sơn vân y hi Thiên-đức thụ* » ấy là cái ơn lớn Tiên-sinh ban cho tôi đó. Thân này còn sống, gặp gỡ có phen. Tiên-sinh y cho. »

« Dao chúc văn an
« Án bái thư »

(2) *Đám mây bay thấp thoáng trên núi Cửu-sơn; giặng cây lơ-thơ bên bờ sông Thiên-đức;*

Đã có bán về dịp Tết:

NỬA ĐÊM

Truyện thôn-quê
của Nam-Cao giá 2$00

Nam Cao là một nhà văn chuyên tả phong-tục thôn quê Việt-Nam, với một ngòi bút đanh thép. Nếu các bạn muốn hiểu người dân quê Việt Nam một cách sâu-sắc, nếu các bạn muốn có những kiến thức rất thực về thôn-quê Việt-Nam; nói tóm lại, nếu các bạn muốn hiểu đồng bào một cách chu-đáo, các bạn đều nên có cuốn **Nửa đêm của Nam-Cao.**

VUI XUÂN

Tức Hoa Mai số Tết
của Ngô-Hòa giá 0$30

Phách bướm hồn hoa

Tức Hoa-Mai số Mùa Xuân
của Thế-Hưng giá 0$30

Nhà xuất-bản Cộng-Lực
N° 9 Rue Takou — Hanoi

Ngô-thời-Nhậm được thư, đệ trình vua nhà Tây-sơn. Vua Tây-sơn xem rồi, nổi giận đùng đùng, sai một ông Đề-đốc đem 20 tên lính về lùng bắt ông.

Bấy giờ ông ẩn ở một làng giáp giới vùng Từ-sơn. Khi ông Đề-đốc tìm đến nơi, nói cái mục đích cuộc sau ông, ông thản nhiên cười mà theo đi.

Kịp lúc tới sân rồng, vua Tây-sơn làm vẻ giận giữ; nét mặt ông vẫn thường, không chút sợ hãi. Vua hỏi ông câu gì, ông liền ứng đối trôi trầy ngay. Vua biết ông là người lỗi lạc, dùng lời nói sẳng không xong, liền đem quan cao lộc hậu ra khuyên dỗ, nhưng lòng như sắt đá, ông nhất định không nghe, quyết không chịu làm quan với triều Tây-sơn. Tấm lòng khẳng khái của ông đã phát ra những câu thơ:

« Thử sinh tuy đáo sài lang vẫn,
Tùng tử nan vi cầu trệ tâm. » (3)

Khi ông được vua Tây-sơn cho về, trong lòng vui sướng không xiết, những nghĩ: vua Lê còn long đong bên Tàu, chưa biết sống chết ra sao, liền tìm lối lẻn sang đất nhà Thanh, dò hỏi tin tức, nào ngờ quan coi ải không mở cửa cho ông, ông đành nuốt giận lộn về vùng Kinh-Bắc.

Mấy tháng đầu ông buồn bã qua, buồn đến nỗi phải thốt ra bài thơ.

Độc hữu cơ thần lệ ám lưu
Quốc tình gia tự lưỡng du du
Tha hương khởi tất phùng thanh nhãn
Nghịch cảnh thùy năng bất bạch đầu
Hứa quốc cô trung Tống thừa tướng
Báo thù thốn niệm Trương Lưu-hầu
Nam nhi bất tố oanh thiên sự,
Hư đồ phù sinh tử tiện hưu.

Xin dịch như sau:

Trôi dạt riêng mình gạt giọt châu,
Nỗi nhà, việc nước nghĩ càng đau.
Quê người khôn gặp ai xanh mắt,
Cảnh nghịch xui nên dễ bạc đầu..
Đền nước, tấm lòng so Tống tướng,
Giả thù tấc dạ hệt Lưu hầu.
Tài giai cố gắng làm nên việc,
Chết chẳng thơm danh, sống cũng sầu!

***

Về sau, ông định đánh một nước cờ cuối cùng, là chiêu tập binh mã, cùng với mấy ông bạn thân cùng một ý chí như mình như những ông Trần-quang-Châu, Tuần-quốc-Công, Đinh-vũ-Hầu mưu khởi một cuộc đánh lại nhà Tây-sơn. Nhưng giao chiến mấy trận phe ông đều thua siểng liểng. Biết mình tài hèn, sức yếu, ông liền uống thuốc độc tự tử, để lại mấy vần khẳng-khái hùng-kiện:

«... Thân hậu mộ bàng nhân chỉ-điểm
« Lê triều Tiến-sĩ tính danh Trần! »

Nghĩa là.

Chết rồi, bên mộ, người ta trỏ:
Tiến-sĩ triều Lê, bác họ Trần,

KHÁI SINH

3) Thân này dầu phải lăn vào miệng hùm đói có chết chăng nữa cũng không sao thay lòng đổi dạ như lũ chó lợn được!

Đón coi đặc san TRI-TÂN về

Thi ca Việt nam

sẽ ra đầu Mars

SÁU BỘ SÁCH TÀI TỬ CỦA TÀU

Nguyễn Kim Thánh Th n nhà phê bình danh tiếng nhất nước Tàu cho rằng sách tài tử trong thiên hạ có 6 thứ là: Nam Hoa *của Trang Tử,* Ly Tao *của Khuất Nguyên,* Sử Ký *của Tư mã Thiên,* Luật Thi *tức* Thơ *của Đỗ Phủ cùng là* Thuỷ Hử *và* Tây sương ký Mái *tức* Tây.

Trong năm 1944-45 **nhà xuất bản TÂN VIỆT** *sẽ lần lượt cho ra mắt độc giả đủ 6 bộ sách quý ấy.*

Đã có bán. — *MÀI TÂY và LY TAO do Nhượng Tống dịch.*

Đang in. — *THƠ ĐỖ PHỦ, SỬ KÝ, NAM HOA và THỦY HỬ.*

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

cần thêm nhiều đại lý ở vùng Saigon=Cholon.

Xung-quanh vấn-đề danh từ

Khoa học Việt-nam

PHIÊN-THỤC

Số 2

Mình được cái lợi đi sau, đã thấy người trước sai đường, mà mình vẫn cặm cụi đi theo, há chẳng suẩn lắm ru ? Bởi vậy tôi mới tìm phương đặt ra tiếng một, hợp với tiếng mình ; mà muốn đặt ra tiếng một cho nhiều, ngoài cách lại, tôi không thấy cách gì thực lành được.

Parotide : Bên-tai = *bai*
Quadriceps : Bổn-đầu = *bầu*
Radius : Xương — ngoài = *xoài* (1)
Baromètre : Đo-ép = *đép*
Squelette : Sườn xương
Crâne : Sọ
Frontal : Xán (trán) 額骨
Ethmoïde : Xàng (sàng) 篩骨
Sphénoïde : Xrớm (bướm) 蝴蝶骨
Occipital : Xáy (gáy) 枕骨
Parietal : Xính (đính) 頂骨
Temporal : Xai (tai) v. v.
Face : Mặt
Mâchoire supérieure : Hàm trên
Maxillaire supérieur : Xàm trên
Os nasal : Xũi (mũi)
Unguis : Xóng (mống).
Palatin : Xần (trần)
Cornet : Xuốn (cuốn)
Vomer : Xừa (bừa)
Malaire : Xá (má)
Mâchoire inférieure : Hàm dưới
Maxillaire inférieure : Xàm dưới
Os hyoïde : Xưỡi (lưỡi)
Colonne vertébrale : Xương sống
Atlas : Xội (đội)
Axis : Xúa (rùa)
Vertèbre : Đốt
Vertèbre cervicale : Đốt cổ
Vertèbre dorsale : Đốt lưng

Nay tôi xin biên những danh từ đã kể trên và hết cả bộ sườn xương đặt theo lối lại : Artère : Mạch-động-*mộng* Veine : Mạch-tĩnh *mịnh*
Biceps : Hai-đầu = *hầu*
Cubitus : Xương trong = *xong*
Thermomètre Đo-nhiệt = *điệt*
Altimètre : Đo-cao = *đao*.
Fausse côte : Sườn hụt
Sternum : Xức (ức)
Clavicule : Xóa (chìa khóa)
Omoplate : Xả (bả vai)
Humérus : Xánh (cánh)
Cubitus : Xong (trong)
Radius Xoài (ngoài)
Carpe : Gốc tay
Scaphoïde : Xuyền (thuyền)
Semi-lunaire : Xuyệt (nguyệt)
Pyramidal Xọn (nhọn)
Pisiforme : Xột (hột đậu)
Trapèze : Xẹo (chữ nầy không lại)
Trapézoïde : Xiên (id)
Grand os : Xo (to)
Os crochu : Xóc (móc)
Métacarpe : Bộ gọng tay
Métacarpien : Gọng tay
Os ilaque : Xậu (chậu) chia nhỏ ra 3 xương
Pubis : Xẹo (thẹn)
Ischion : Xồi (ngồi)
Ilium : Xuột (ruột)
Fémur : Xủi (đùi)
Rotule : Xầy (bánh gầy)

1) *Theo phẫu-học thời một xương nằm ngoài, một xương nằm trong, chứ không phải trước sau.*

Vertèbre lombaire : Đốt ong
Sacrum : Xu (khu)
Coccyx : Xuôi (đuôi)
Côte : Sườn
Vraie côte : Sườn nguyên
Cuboïde : Xuông (vuông)
Métatarse : Bộ gọng chân
Tibia : Xớn (lớn)
Péroné : Xé (bé)
Tarse : Gốc chân
Calcanium : Xót (gót)
Astragale : Xen (thẹn)
Cuné forme : Xạnh (cạnh)
Métatarsien : Gọng chân

Tôi định một bộ sắp bắt đầu một chữ. Bộ xương chữ X ; bộ thần kinh vần TH ; bộ bắp thịt chữ N (nạc), chỉ trừ ra vài trường-hợp riêng như biceps, interosseux ; bộ mạch máu chữ M ; bộ khớp xương vần KH đầu, hoặc vần áp sau. Thí dụ : Diarthrose : Kháp-lỏng = *khỏng*

Symphyse : Kháp-đính = *khính*
Suture : Kháp-chặt = *khặt*
Ligamant : Giây-kháp = *giáp*
Fibro cartilage : Lót-kháp = *láp*
Synoviale : Màng-kháp = *máp*
Synovie ; Nhợ-kháp = *nháp*

Những chữ pháp cuối cùng là mètre, dùng chữ Đ (đo), là Scope dùng vần NH (nhìn), chữ graphe dùng vần CH (chép) hay K (ký) chẳng hạn.

Ý tôi muốn dùng lối nầy để đặt ra hết cả những danh từ các vật cụ thể quan-trọng trong khoa-học mà mình chưa có tên sẵn.

Nếu như thực hành ra, thời có thể giải quyết được một phần nhiều vấn-đề khó-khăn về danh từ khoa-học. Giải quyết dễ dàng, nhưng cũng có chỗ làm cho thức giả phải nghi ngại, phải do dự. Bởi vậy nay tôi xin phô-diễn rõ-ràng hết sự lợi, sự tệ của phương ấy.

a) *Lợi* — Gọn, rõ, giản-tiện, dễ nhớ, có tiêu-chuẩn nhất định, hợp tính cách tiếng mình, dùng lâu hóa hẳn thành một tiếng, làm giàu cho tiếng mình không biết lã bao nhiêu, tự-chủ không mượn tiếng ngoại-quốc.

b) *Tệ* — Lạ quá nghe chướng tai, dùng nhiều chữ lái thành mờ nghĩa, không van chương, không nên thơ, quả quyết táo bạo quá, có thể trùng, lạ quá không ai chịu dùng khó phổ-thông.

Nay xin xét kỹ từng khoản một.

LỢI

1) *Gọn* — Gọn là tự nhiên, tiếng-một thời gọn và tiện lợi hơn tiếng chắp hết cả mọi phương diện.

2) *Rõ* — Mỗi tiếng mà chỉ mỗi vật, là hết sức rõ ; miễn khỏ trùng nhau trong mỗi khoa. Sự gọn và rõ lại rất cần trong những khoa như hóa-học và hình-học.

3) *Giản tiện dễ nhớ* — Những danh-từ tôi đặt ra trong phẫu-học, tôi thấy rất dễ nhớ. Đọc đến là gợi cho mình quan-niệm vật ấy ngay, tự nhiên bắt mình lái lại để kiếm gốc rất dễ-dàng. Đọc đến chữ « *khỏng, khính* » trong chương phẫu-học, trong trí mình gợi ngay ra cái kháp-lỏng, kháp-đính ; vì « khỏng, khính » không có nghĩa gì. Chữ một mà ngậm ý đời, cũng như chữ triangle ngậm 3 angles trong ấy.

4) *Có tiêu-chuẩn nhất định* — Phép lái nhất định. Bên-tai phải lái là *bai*, xương trán là *xán* ; chứ không thể lái lại là *bài* hay *be* ; *xan* hay *xón* được.

Khoa học mỗi ngày mỗi tiến ; danh-từ cứ thêm mãi. Bây giờ đương lúc xây tảng cho nền khoa-học, mình nên chọn ít nhiều tiêu-chuẩn nhất định để sau dựa vào đó mà đặt danh-từ mới. Tuy phép nầy không thể tổng quát hết cả mọi trường hợp, cũng còn nhiều chỗ phải dùng cách khác ; nhưng những chỗ dùng được cũng đã khá nhiều, khá bổ ích rồi.

5) *Hợp đặc-tính tiếng mình* — Tiếng mình là tiếng độc-âm, có nhiều nữa là nhị âm ; chớ không bao giờ có những tiếng ngô-nghê như là « nhị-đầu-cổ-cán » vậy. Còn những tiếng mình như vồng đòn-cong, đờn thập-lục, nhà chữ-môn v. v. là tiếng kép một loại khác.

6) *dùng lâu hóa thành một tiếng* — Tiếng mình độc-âm, thành thử những tiếng chắp như nhĩ hạ tuyến, hàn-thử-biểu không khi nào nhập-tịch được bởi vì nó không phải là tiếng, nó là một câu.

định nghĩa, đã có nghĩa rồi. Còn tiếng một tiếng mới, dùng lâu hóa hẳn thành tiếng của mình.

7) *Làm giàu cho tiếng mình không biết bao nhiêu* — Chữ quốc-ngữ có đặc-điểm là gần hết những vần mà mười loài người nói ra được đều diễn ra được hết; nhưng chỉ số rất ít vần có nghĩa, còn phần nhiều không nghĩa. Bây giờ theo lái đặt thêm nghĩa được vần nào tức là làm giàu thêm vần ấy.

Về phương diện nầy, nhất định mình phải mượn nhiều chữ Tàu. Thường mình nói là dịch ra tiếng việt, nhưng thực ra là đặt ra tiếng mới, chứ không phải là dịch. Thí dụ như chữ trừu-tượng (abstrait), cụ-thể (concret), bài-tiết (excrétion) thời một người Việt khong học chữ nho không hiểu đã đành, đến một ông đồ cũng không hiểu nốt. Nói tóm lại nó là một chữ mới.

Bây giờ mình đem dịch hẳn ra tiếng mình: *không hình, có hình*, và *tống-cặn*, tuy hơi ép, không đích xác bằng; nhưng dễ hiểu hơn. Nhưng theo ý tôi và mấy lâu nay vẫn đã thi-hành rồi, mình nên dùng chữ Tàu, bởi vì trước là nó dùng hơn, sau là nó lạ, bắt người học việt-ngữ phải học thêm cái quan niệm mà tiếng ấy chỉ-thị; tức là làm giàu thêm việt-ngữ.

8) *Tự chủ không cần mượn tiếng ngoại quốc* — Lái ngược lại mà đặt chữ, thật là đặc điểm việt-ngữ. Có người bảo như chữ cao-độ-kế cũng gần hẳn như chữ *đo cao*, bởi vì tuy là chữ tàu, nhưng mình học đã nhiều, nó lại tương-tự tiếng mình, mình có thể hiểu đặng. Theo ý tôi tuy là tương-tự thật, nhưng chữ *đo-cao* vẫn dễ hiểu hơn nhiều. Một đứa trẻ biết nói là hiểu tiếng *đo-cao*, chứ có hiểu tiếng cao-độ-kế đâu. Phải học ít nhiều chữ nho mới hiểu. Tiện-lợi nầy không phải là nhỏ.

TỆ

1) *Lạ quá nghe chướng tai* — Cái nầy có thật, nhưng theo ý tôi không những không nên tránh mà thôi, còn phải kiếm nữa là khác. Muốn khỏi trùng, phải kiếm vần mới; mới, tất nhiên chướng tai. Tiếng là một hiệp ước, chứ có nghĩa gì đâu. Tại sao lại gọi cái đồ để nằm bằng giường, để ngồi bằng ghế. Đã dùng được tiếng lỏng, dính, thì sao lại không dùng tiếng « *khỏng khỉnh* »? Chẳng qua lạ thời khó nghe, quen thời dễ nghe. Thử nghiệm một người Việt sống trăm năm về trước, nghe những tiếng « ô-tô, ma-măng, ông Sếp, bà đầm, nhà ga » có thuận tai không?

2) *Dùng nhiều chữ lái thành mờ nghĩa* — Thí dụ như dịch câu: la parotide est une glande destinée à sécréter la salive, *bai* là cái *hỷ* để nhỉ ra nước dãi. Bây giờ mình chưa quen 2 tiếng *bai* và *hỷ*, nghe qua hình như mờ nghĩa; nhưng đến lúc đã quen thời rất rõ. Sự mờ nầy không đáng ngại, vì lúc đầu chỉ dùng trong khoa-học để chỉ những quan niệm mới. Muốn học quan niệm ấy, tất nhiên phải học đến nó trước.

3) *Không văn chương, không nên thơ* — Lúc đầu như thế thật, nhưng dùng quen tự nhiên có văn chương, có nên thơ; bởi vì nó có bản-năng tiếng mình, còn những chữ chắp như « hàn thử-biểu, khí-áp-biểu » không khi nào có tính văn chương, có nên thơ, vì nó là một câu định nghĩa, không bóng bẩy; sống sượng quá, vật chất quá. Xin độc giả nghiệm trong thơ phú xưa, có khi nào có những chữ ngô-nghê ấy không; và thơ phú tương lai có thể dùng nó được không?

Khoa học thời chữ gì cũng phải định nghĩa. Như viết: hàn thử-biểu là cái máy đo nóng lạnh. Nhờ có chữ tàu đọc khác, còn có thể nghe đặng. Như dịch ra tiếng mình: *Máy đo nóng lạnh* là cái máy để đo nóng lạnh thời có nghe được không, có văn-chương không?

4) *Quả quyết tào bạo quá* — Có như thế thật, bước đầu mà đi « xa quá ». Nhưng nếu mình chắc là sẽ có kết quả mỹ-mãn hơn là lối nhân tuần do dự, gặp đâu hay đó, thời quả quyết tào bạo là sự hay, sự nên có; chứ có ngại gì.

5) *Có thể trùng* — Tiếng pháp đa-âm, thế mà còn có một chữ 2, 3 nghĩa. Huống hồ việt-ngữ độc-âm, tất nhiên phải trùng; bởi vì vần có hạn, lái mãi đến hết. Nhưng cứ trong mỗi khoa, mình gắng sắp cho khỏi trùng; như bộ xương tôi sắp khỏi trùng rất dễ dàng. Hiện bây giờ tiếng mình đã biết bao nhiêu chữ trùng; một chữ đến 3, 4 nghĩa, nhưng ít ai hiểu lầm, vì đã có câu, có chữ trên chữ dưới. Nhưng nay muốn cho rõ hơn nữa, mình nên làm cái dấu riêng cho những chữ mới đặt theo lối lái; một cái sao chẳng hạn, thời lại càng dễ phân biệt. Vả, dầu có trung ít

nhiều nữa, mình cũng phải gắng nhớ chứ sao. Chữ pháp biết bao nhiêu chữ viết in nhau, gồm 2, 3 nghĩa và lại không phải tiếng mẹ đẻ mà mình cũng nhớ được thì sao ?

6· *Lạ quá không ai chịu dùng khó phổ thông* — Lúc đầu thời khó phổ thông thật. Nhưng chữ lái mới thời chữ tàu chép ra cũng mới, lúc đầu chưa dễ phổ-thông ngay. Tôi xin lấy thí dụ nầy : cái thermomètre hiện nay trong các bệnh viện thường gọi là ống mạch, ống kẹp nách. Hai tiếng nầy vô nghĩa-lý, đáng bỏ. Bây giờ đem hiến cho công-chúng 2 chữ khác : hàn - thử - biểu và « điệt » xem, tiếng nào dễ đến phổ-thông hơn. Có lẽ tiếng « điệt » mau đến mục-đích hơn, vì nó gọn, nó có tánh cách tiếng mình ; nếu như phép lái đã được mọi người công nhận.

KẾT LUẬN — Sau khi tôi đã xét kỹ mọi phương-diện, tôi thấy phép đạt chữ lái, rất nhiều điều tiện lợi và không có điều tệ gì đáng ngại. Nhưng chỉ sợ bước đầu mà táo bạo, triệt-để quá : cách mệnh quá, ai nghe qua cũng hơi ngại và do-dự không giám quyết nghị

Về các khoa khác, tôi không đủ tài-năng mà phán-đoán ; còn phẫu-học, tôi dám quả quyết nói rằng : không có phương nào điệu hơn phương ấy.

Phàm ở đời muốn làm một việc lớn-lao ; phải có cảm tưởng sâu xa, quả quyết có chương trình bao quát, tuy việc làm bây giờ, nhưng phải nghiệm trăm năm về sau, thời mới có kết quả hoàn toàn. Còn cứ theo lối nhân-tuần tuy tiện, đến đâu hay đó ; như việc đặt danh-từ khoa-học, chỗ mượn chữ pháp, chỗ mượn chữ tàu, không có qui - cử nhất định, thời dùng chừng nào lại thấy lòi chỗ dở ra chừng ấy,

Tôi không biết nay mai phép tôi đề-xướng lên có được sĩ - phu trong nước chuẩn - y và thực-hành không Nhưng dầu không được nữa, tôi cũng đã diễn tỏ ra cho mọi người thấy sự đại-bất-tiện của chữ chắp ngô-nghê của Tàu mà mình đã bắt đầu bắt chước. May ra các nhà dịch sách để ý đến mà bỏ bớt đi, hoặc làm cho hoàn-toàn hơn ; thời tôi tưởng bài nầy cũng không đến nỗi vô bổ.

(Hết)

PHIÊN-THỨC

(*Phan-rang*)

Lịch-sử và Thi-ca

(*Tiếp theo trang 7*)

những kẻ vì nước bỏ mình (10). Những lúc thái bình, nhà thơ cũng không quên « *ái quân nhi phòng tiệm.* » (11)

Cũng như, một người đàn bà — Nguyễn-thị-Bích-Châu, — vợ vua Trần Duệ-Tông đã nói trong bài *Kê-minh thập sách* dâng lên đức Phu Quân :

« Tiền vô đãi vô hoang chi giới,
Cao Dao tiên thị viết đô,
Dương bất huyết bất nhận chi thời Thái Phô ấy-trường thất tức ?

Dịch

Gặp hồi vua việc không biếng,
chơi không hoang, Cao Dao trước dâng bài giới ;
Nhằm phải buổi gươm không khua, máu không đổ, Giả-Phô kia lừng đã thở dài. (12)

Những bài số bài giới kia phần nhiều là tâm huyết chi-thi, lời lẽ thật khảng-khái hùng hồn :

Thất trảm chi sớ, nghĩa động càn khôn ;
Vạn ngôn chi thư trung quán nhật nguyệt.

Nếu *Thất trảm sớ* đã tỏ - rõ lòng ngay không vẩn đục của một trung-thần cao khiết, thì Vạn ngôn thư đã nêu cao chí-nguyện sống-thác với cụu chử của một vong thần cương trực, u-uất với tấm cô-trung. (Hết)

HOÀNG-THIỀU-SƠN

Thống chế Pétain đã nói :

Nếu công việc của các cá-nhân có phần phồn-thịnh và giúp ích cho toàn quốc, thì nền kinh-tế trong nước mới vững-chãi, các nhà giàu không phải chỉ có những quyền lợi mà thôi, họ càng có cách hành động, thì lại còn nhiều bổn phận.

---

10) *Xem kỳ sau.*

11) *Nguyễn thị-Bích Châu — « Kê minh thập sách » — Nguyễn đồng-Chi trích trong V. N. C. V. H. S. q I trang 203.*

12) *Bản dịch trong V.N.C V.H.S. q I trang 203.*

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 73

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

12. — **Đỗ-bảo-Chân**, người xã An-song, huyện An-dương (Nghi-dương), phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. Năm 38 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ (tức tam giáp) khoa quí-sửu 1493 dời Hồng-đức thứ 24 (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 88 b ; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 43 b).

13. — **Lương-đức-Oai**, người xã Đào-xá, huyện Kim-động, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến thừa-chánh-sứ. Hiệu định bộ *Quốc-triều điển-lệ* (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 43 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 66 a-b).

14. — **Đỗ-Tuy**, người xã Châu-cầu (Ngọ-kiều), huyện Gia-lâm, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm 38 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 43 b ; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 81 a).

15. — **Đỗ-Hịch**, người làng Hương-ngải, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-tây. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến chức tổng-binh đồng-trí, thăng thượng-thư, trí sĩ. Là tổ bảy đời Đỗ-Thế, đỗ đồng-tiến-sĩ năm 1685 (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 43 b). *Đăng khoa bị khảo* (quyển Sơn-tây, tờ 39 a) chép thang Hàn-lâm-viện thị-thư, trí sĩ, đỗ năm 25 tuổi, thọ 79 tuổi.

16. — **Vũ-Thiệu**, người xã Ngọc-cục, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 43 b ; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 14 a).

17. — **Lê-Chính**, người xã Lạc-trung (Đông-lộ), huyện Yên-lạc, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Năm 37 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến chức đoán-sự (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 51 b ; *Đăng khoa lục*, quyển 1 tờ 44 a).

18. — **Nguyễn-Lăng**, người xã Như-lân, huyện Tế-giang (Văn-giang), phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm 42 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa quí-sửu 1493 (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 44 a ; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh bắc, tờ 96 a).

19. — **Phạm-Dương**, người xã Nhân-Lý, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải dương. Năm 24 tuổi đỗ hội-nguyên, đồng-tiến-sĩ khoa quí-sửu 1493 Làm quan đến tham-chính. Là cháu Phạm-bá-Khuê, đỗ nhị giáp năm 1453, là bác Phạm-hung-Nhân, đỗ tam-giáp nam 1523 (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 44 a ; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 60 b 61 a).

20. — **Phạm-Huy**, người xã Đông-hải, huyện Chân-phước, tỉnh Nghệ-an. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa quí-sửu 1493. Phụng mệnh đi sứ. Làm quan đến Công-bộ đô-cấp-sự-trung (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 44 a). *Đăng khoa bị khảo* (quyển Nghệ-an, tờ 27 b) chép làm quan đến tự-khanh.

21. — **Nguyễn-Nghiễm**, người xã Đồng-dương, huyện Thanh-oai, phủ Ứng thiên, trấn Sơn nam. Nam 22 tuổi Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến Lễ-bộ tả thị lang. Là con Nguyễn-Trọng đỗ đồng-tiến-sĩ năm 1472 (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 44 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn nam; tờ 35 b).

22. — **Chu-Huyên**, người xã Ngọc đôi, huyện Vũ-ninh (Võ-giàng), phủ Từ-sơn trấn Kinh-bắc. Đỗ đồng-tiến sĩ khoa quí-sửu 1493. Tuyển vào Hàm lâm. Được dự 28 ngôi sao trong Tao-đàn. Làm quan đến thừa-chánh-sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 44 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh bắc, tờ 5 a). Có sáu bài thơ cận thể còn sao trong bộ *Toàn Việt thi-lục* của ông Lê-quí Đôn (quyển 15, tờ 42 b-43 a), Đầu bài dịch ra như sau này: 1, Đạo làm vua; 2, Tiết làm tôi; 3, Xa nhớ người anh hiền; 4, Khí lạ; 5, Người văn-nhân; 6, Hoa mai. *(Còn nữa)*

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

NHÀ GIỐNG RĂNG
Đỗ Ngọc-Giao
173 hàng Bông Lờ Hanoi
Mở lâu năm có tiếng là đứng đắn, và làm cẩn thận hơn hết — Công việc, làm nhanh chóng và có bảo đảm.

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHẢY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 16

CHU-THIÊN

Mấy vị kia cũng tiếp theo:

— Còn được thua, nhờ vong linh tiên vương phù hộ và nhờ giời...

Thế rồi cuộc hội họp sắp sửa giải tán, trong vẻ bất mãn của mọi dự giả miền Đông. Muốn gợi vui tươi về sua đuổi mọi sự chán nản nặng nề trên nét mặt mọi người, hai tráng sĩ Vệ Linh và Lưu Ngọc lên tiếng nói một câu giản hòa:

— Thôi thì đâu cũng là đất nước nhân dân ấy, ở trong hay ở ngoài cũng vậy cả. Cốt sao mình giốc một lòng vì nghĩa là được.

Vua Chương-Võ được dịp liền đỡ lấy lời không bỏ lỡ:

— Đoàn Công tử đã ưng thuận lên trên Gióng ở với ta, Việc trông nom dưới này cắt cử như vậy, không ai nói gì thế là tạm ổn. Vậy ta lưu Vệ-linh lại đây, cùng với quân lính ta đóng giữ thành này, giúp các bậc anh hùng miền Nam này. Hễ khi nào thư thư thì cho tráng sĩ về trên ấy với ta.

Thế là xong mọi công việc: Vệ-Linh với toàn thể quân đội và tướng tá ở lại giữ thành. Hòa Đao Vân Côi ngay hôm ấy phải kiêm quân đội đem đi canh giữ ngoài biên giới. Đoàn-công-tử sau khi đã xem xét lại một lượt công-trình vĩ đại của thân phụ quá cố, và đã giao phó lại việc giữ gìn thành trì và bờ cõi cho Vệ linh cùng các bạn hiền cùng công sử Thịnh-Nguyên theo Chương-võ hoàng đế về trên Gióng, để chịu ơn trông coi và khuyên bảo của đức Vua bạn thân của cha chàng.

Giời vừa sáng. Một buổi sáng đầu hè, giữa làn không khí phong quang và hẳn còn mát mẻ ánh nắng mới vàng tươi đang reo múa chân lan. Tất cả vũ trụ đều đầy vui tươi sán lạn, Cảnh đẹp tung bừng, mà chỉ riêng người đi hôm ấy là buồn. Vẫn non sông ấy, vẫn đường lối ấy, vẫn phong cảnh ấ , mọi vật đều quen thuộc ra vẻ đón chào, nhưng người nào có tâm thần nghĩ đến

Đoàn người và ngựa của vua Chương Võ và công-tử họ Đoàn vẫn lặng-lẽ đi, âm thầm như đi vào cõi chết. Vua Chương-Võ, kính trọng nỗi đau buồn của người con côi, không dám đả động chuyện trò gì, càng để tâm suy nghĩ mưu kế trừ khử họ Trần, lấy lại cả thiên hạ và sẽ ban hành kỷ-cương mới mưu hạnh phúc thái-bình cho trăm họ.

Công-tử Thịnh Nguyên, bản tính vui tươi và hay nói, lúc này cũng im lặng thương bạn và lo nghĩ đến cuộc báo thù cho Đông-hải vương để đền đáp ơn tri ngộ..

Còn Đoàn công tử thì đổi khác hẳn, chàng im lặng không nói không rằng, như người câm. Đôi mắt đam đam lờ đờ trên nét mặt thảm đạm đầy nét đau thương, như thôi thúc người nào trông thấy cũng phải cúi đầu cảm động và không dám cười nói nửa lời. Trước những vẻ nghiêm-nghị thiêng liêng và ủ rũ của những bậc bề trên, cả đoàn quân-sĩ tuỳ tòng đều âm-thầm lặng-lẽ, thứ tự đi theo sau. Cả đoàn vẫn đi như một con trăn khổng-lồ uốn khúc quằn quại trên con đường ngoắt ngoéo qua rừng núi và đồng bằng. đoàn người ngựa ấy cứ nhanh-nhẹn và đều-đặn tiến bước. và suốt từ lúc đi cho đến khi về tới thành Gióng, không ai dám nói một tiếng to, hay buông một tiếng cười.

11

Đoàn Văn và Thịnh-Nguyên được ở trên lầu « Nghinh phong » trong cung Chương-Võ. Những quân lính theo hầu đều phải ra ở ngoài cung, trong trại lính thị-vệ. Chỉ còn bốn người lính thân tín được ở lại hợp với những lính túc vệ của nhà vua hầu hạ hai vị công tử đế vương ấy. Các nghi thức ở bên lầu Nghinh-phong đều theo đúng như nghi thức đấng vương-giả. Vì vị kế-vị-Đông hải đại-vương kia lẽ tất nhiên là một vị vương-giả rồi. Việc hầu hạ tuy rất mực kính cẩn và chu đáo, nhưng Đoàn công tử vẫn buồn rười rượi. Ngày nào, đức vua Chương-Võ cũng sang ít nhất là một lần khuyên giải và trò chuyện cho công-tử tạm khuây nỗi đau đớn và nhắc-nhở chàng

nhớ đến mối thù không đội giời chung. Ngài nhắc đến là chủ ý làm cho chàng phấn khởi lên, hăng hái lên mà quyết ra tay trừ khử kẻ thù, mạnh-bạo bỏ nỗi buồn nhi nữ. Song có ngờ đâu, chàng càng vì thế mà buồn thêm, buồn ngày không ăn, đêm mất ngủ, tấm thân cường kiện anh hùng, nay gần giống như cái xác không hồn. Ngày lần qua mà nỗi buồn không thấy giảm. Vua Chương-Võ cũng tỏ ra lo-lắng lắm. Ngài luôn luôn săn sóc đến sự ăn ngủ, đi đứng hằng ngày của công-tử. Ngài lại dặn dò công-tử Thịnh-Nguyên phải luôn luôn để ý khuyên giải công-tử cho đỡ buồn. Ngài lại sai Kim-Vân công-chúa, sang chơi luôn bên lầu Nghinh-phong, trò chuyện bàn bạc với Đoàn công-tử về bất cứ việc gì, việc dụng-binh, việc cai trị, việc xử thế, việc vũ-bị, việc văn chương, thôi thì đủ thứ chuyện, cốt là để cho công-tử tạm quên nỗi buồn, mà vui dần với thời gian thay đổi.

(còn nữa)

CHU-THIÊN

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc ở-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam.	3 $ 50
Tinh các vị thuốc.	3 00
Khoa thuốc xứ nóng.	2 00
Khoa chữa phổi.	1 00
Khoa chữa mắt.	1 00
Khoa chữa trẻ con.	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

cước quyển lớn 0 $ 69, nhỏ 0 $ 30.

Hỏi : *M. Nguyễn-xuân Dương Lạc long 22 Tientsin Hanoi.*

ĐỒ THỜ CỦA TA

(Tiếp theo trang 9)

khánh đá, gậy thần-trượng ; có chùa có cả chiêng trống dùng khi tế Long-thần, có tiu-cảnh dùng khi cúng ở điện thờ bà Liễu phía sau chùa. Ở đình thì không có tiu cảnh và mõ.

Còn như đồ thờ ở các đền, đài, đình, phủ, thờ chư-vị, từ đức Ngọc-hoàng xuống đến tam, tứ phủ, thì là theo về đạo Lão. Đạo Lão là tổ nhà phù-thủy, lấy về nghĩa có linh-thiêng mới thờ. Thờ về phái ấy, hay lên đồng, mà đồ thờ thì dùng nhiều đồ mã, có khi đến chín, mười tầng, kể bình hương có đến bốn năm mươi cái. Trên mái điện thì rất nhiều nón mã, cái thì kiểu nón thúng quai thao của các bà dùng, như bà Liễu-hạnh, bà Quỳnh-hoa, bà Quế-hoa, bà Thượng-ngàn, v. v. ; cái thì kiểu nón kính của các ông hoàng dùng, như ông hoàng ba, hoàng năm, hoàng bảy, v. v. Trên bàn thờ có nhiều vàng xanh đỏ ; thứ to là vàng các bà, thứ nhỏ là vàng các cô. Lại có những đôi hia, đôi hài bằng giấy, hộp gương lược, hộp trầu cau thuốc lá, đồ trẻ con chơi, thứ bằng bột, thứ bằng giấy, áo và khăn xanh, đỏ, trắng, người ta gọi là khăn chầu áo ngự. Như thế thì trên mái và trên bàn là đồ mã, xung quanh là đồ thật dùng khi lên đồng, chật hết cả, nên không bày tam-sự ngũ sự, chỉ có hoành-phi câu đối, thì ở đình, ở nhà, ở chùa và đền, đài, đình, phủ, đều có cả.

Đến như đồ thờ ở văn-miếu, thì hiện nay các tỉnh phải tuân theo tờ lục-tổng của bộ Lễ ngày 28 tháng 12 năm Minh-mạng thứ 18 (1837), xin lược ra như sau này : chính giữa văn-miếu một cái khám thờ đức Khổng tử, hai gian tả hữu, mỗi gian hai khám thờ tứ phối (Nhan-tử, Tăng-tử, Tử-tư và Mạnh-tử), phía ngoài hai khám tả hữu, mỗi bên sáu bài vị tiền-triết, để trên bệ gạch, không có khám. Chính ra trước kia ta vẫn gọi thập triết là mười vị, nay triều ta thăng vị Hữu-tử, (nguyên tiên-hiền) và Chu-tử (nguyên tiên-nho), nên mới thành 12 vị tiên triết. Còn hai bên hành-lang, mỗi bên năm án thờ các vị tiên-hiền và tiên-nho, vị nào cũng có bài vị để trên hương án. Ngoài ra, như màn khám, khay đài, chén và chai rót rượu, đèn nến và mâm bồng, đỉnh đồng, tam-sự ngũ-sự, hương án, thau quản-tẩy và giá thau, thì từ gian chính giữa và hai bên đều có cả duy có phân biệt là gian giữa thì chén rót rượu bằng bạc, tam sự ngũ sự bằng đồng, còn hai bên và ngoài mái thì tam sự ngũ-sự bằng thiếc hoặc bằng gỗ sơn. Ở văn miếu Hà-nội, có nhiều đồ thờ cổ bằng đồng, kiểu rất lạ. Bên đền khải-thánh (tức là thờ vị sinh ra đức Khổng), đại-khái cũng giống bên văn-miếu.

Cứ như thế thì ở bên ta chỉ có chùa và một vài đền như Đồng thiên-vương, mới thờ tượng, có phần nhiều thờ bằng bài vị

Nhà vua còn có một thứ lễ nữa là tế giao, ba năm một lần. Đọc thì có quyển *Bulletin des Amis du Vieux Huế* (năm 1914, trang 161-166, in lại năm 1916) đã kể rồi, tôi không phải kể lại.

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

MỚI XUẤT BẢN

LE CAPITAINE ĐỖ HỮU VI
par S. E. PHẠM QUỲNH
Ministre de l'Intérieur,

Một cuốn sách hay của **thư-xã Alexandre de Rhodes**, dày 50 trang, khổ 12×18, có ba bức ảnh và bản dịch của **Nguyễn Tiến Lãng**. Pháp-văn và Việt-văn đối-chiếu.

Một áng văn kiệt-tác của cụ **Thượng Phạm**, mà trong thời-buổi này, thanh-niên Nam-Việt ai ai cũng nên ngâm đọc và suy-nghĩ.

Bản thường	0$50
Bản giấy tốt	3 00
Cước	0 32

Tổng phát hành
MAI-LĨNH
21, Rue des Pipes — Hanoi

Một quyển sách làm chấn động dư-luận:

LỊCH-SỬ ĐẠO THIÊN CHÚA Ở VIỆT-NAM

Xuất-bản dưới quyền Duyệt-Chính của cha L. Cadière và cụ Ứng-Hoè
Tựa của Đức Khâm-Mạng Tòa-Thánh ở Đông-Dương

Bản viết của Hồng-Lam — Chú giải của Cha L. Cadière

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP CÁC HIỆU SÁCH LỚN
và ở
ĐẠI-VIỆT THIỆN-BẢN
50bis Avenue Khải-Định Huế

Mua sách xin gửi 8$00 tiền sách và 1$20 tiền gửi và tiền gói

MỘT BỘ SÁCH:

Cổ nhất Đông-Phương!
lạ nhất nhân-loại!

Nguồn gốc chỉ là một cái gạch ngang, rồi qua tay 4 vị Thánh nhân, cái gạch ngang ấy diễn thành một pho sách cực kỳ hùng-vĩ. Đó là bộ:

KINH DỊCH

mà người Việt-nam ta có lẽ không mấy người là không nghe thay tên, nhưng chắc ít người biết rõ nội dung ra sao.

KINH DỊCH

là một bộ sách đã xuất-hiện trên một vạn năm, mà mấy trăm học-gia phương Đông theo gót nhau nghiên-cứu và chú-giải đến hai nghìn năm nay vẫn chưa hết nghĩa.

KINH DỊCH

thật là một pho sách uyên-thâm, huyền-diệu, bao quát tất cả các lẽ trong vũ-trụ.

Các bài thơ và kinh có in nguyên văn chữ Hán

Toàn bộ giấy trên dưới 2000 trang
in luôn một lúc đóng làm 5 quyển

Sách đã bắt đầu in nhưng không bán lẻ từng cuốn

Sách in làm 3 hạng:

Hạng giấy thường	sẽ bán từ	20$00
Hạng lụa Do	(đựng hộp bọc lụa)	50.00
Hạng Bạch Minh châu	(đựng hộp gấm)	150.00

Thêm cước gửi ngoài

Thư và ngân phiếu xin gửi về
Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

Sắp có bán

KINH TẾ HỌC PHỔ THÔNG
của NGUYỄN HẢI ÂU

Nghiên cứu cái then máy của cuộc sinh hoạt kinh tế hiện tại. Chỉ vạch những định luật chi phối sự xuất sản, sự lưu thông, sự phân phối và sự tiêu thụ hàng hóa

SỐNG Ở XÃ HỘI HIỆN THỜI PHẢI HIỂU RÕ GUỒNG MÁY KINH TẾ

Muốn hiểu rõ guồng máy kinh tế ở xã hội hiện thời, không thể bỏ qua được quyển

KINH TẾ HỌC PHỔ THÔNG giá 3$60

Đã có bán

LÝ THƯỜNG KIỆT bắc phạt
của NGUYỄN TẾ MỸ — giá 2$00
HÀN THUYÊN
71 Tiên Tsin — Hanoi

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur gérant: Nguyễn-Tường-Phượng — Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi